

PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI**CHƯƠNG I: XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ****Bài 1: SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THUỶ**

- Câu 1:** Khoảng 6 triệu năm trước đây xuất hiện loài người như thế nào?
A. Loài vượn người. B. Người tinh khôn.
C. Loài vượn cổ D. Người tối cổ.
- Câu 2:** Ở Việt Nam di tích Người tối cổ được tìm thấy đầu tiên ở tỉnh nào?
A. Nghệ An B. Thanh Hoá
C. Cao Bằng D. Lạng Sơn
- Câu 3:** Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm của Người tối cổ?
A. Biết sử dụng công cụ bằng đồng B. Đã biết chế tạo công cụ lao động
C. Đã biết trồng trọt và chăn nuôi D. Hầu như đã hoàn toàn đi bằng hai chân
- Câu 4:** Người tối cổ sử dụng phổ biến công cụ lao động gì?
A. Đồ đá cũ. B. Đồ đá giữa C. Đồ đá mới D. Đồ đồng thau
- Câu 5:** Việc giữ lửa trong tự nhiên và chế tạo ra lửa là công lao của:
A. Người vượn cổ B. Người tối cổ
C. Người tinh khôn. D. Người hiện đại
- Câu 6:** Nhờ lao động mà Người tối cổ đã làm được gì cho mình trên bước đường tiến hoá?
A. Tự chuyển hoá mình B. Tự tìm kiếm được thức ăn
C. Tự cải biến, hoàn thiện mình từng bước D. Tự cải tạo thiên nhiên
- Câu 7:** Thành ngữ nào phản ánh đúng nhất tình trạng đời sống của người nguyên thủy?
A. “Ăn long ở lỗ” B. “Ăn sống nuốt tươi”
C. “Nay đây mai đó” D. “Man di mọi rợ”
- Câu 8:** Cách đây khoảng 4 vạn năm đã xuất hiện loài người nào?
A. Người vượn cổ B. Người tối cổ C. Người vượn D. Người tinh khôn
- Câu 9:** Đặc điểm của người tinh khôn là gì?
A. Đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên người.
B. Là Người tối cổ tiến bộ.
C. Vẫn còn một ít dấu tích vượn trên người.
D. Đã biết chế tạo ra lửa để nấu chín thức ăn.
- Câu 10:** Khi Người tinh khôn xuất hiện thì đồng thời xuất hiện những màu da nào là chủ yếu?
A. Da trắng B. Da vàng C. Da đen D. Da vàng, trắng, đen
- Câu 11:** Bước nhảy vọt đầu tiên trong quá trình tiến hoá từ vượn thành người là gì?
A. Từ vượn thành vượn cổ.
B. Từ vượn cổ thành người tối cổ .
C. Từ người tối cổ thành người tinh khôn.
D. Từ giai đoạn đá cũ sang giai đoạn đá mới.
- Câu 12:** Đặc điểm của cuộc "Cách mạng thời đá mới" là gì?
A. Con người biết sử dụng đá mới để làm công cụ.
B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.
C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

BÀI 2: XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Câu 1: Biểu hiện nào dưới đây gắn liền với thị tộc?

- A. Những gia đình gồm hai đến ba thế hệ có chung dòng máu.
- B. Những người đàn bà giữ vai trò quan trọng trong xã hội.
- C. Những người sống chung trong hang động, mái đá.
- D. Những người đàn bà cùng làm nghề hái lượm.

Câu 2: Biểu hiện nào dưới đây gắn liền với bộ lạc?

- A. Tập hợp một thị tộc.
- B. Các thị tộc có quan hệ gắn bó với nhau.
- C. Tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có họ hàng gắn với nhau và cùng một nguồn gốc tổ tiên xa xôi.
- D. Là tập hợp nhiều thị tộc sống cùng nhau.

Câu 3: Khoảng 3.000 năm trước đây, cư dân nước nào là những người đầu tiên biết đúc và dùng đồ sắt?

- A. Trung Quốc
- B. Việt Nam
- C. In-đô-nê-xi-a
- D. Tây á và Nam Châu Âu

Câu 4: Kết quả nào dưới đây được đánh giá là kết quả lớn nhất của việc sử dụng công cụ bằng kim khí, nhất là đồ sắt?

- A. Khai khẩn được đất bỏ hoang.
- B. Đưa năng suất lao động tăng lên.
- C. Sản xuất đủ nuôi sống cộng đồng.
- D. Sản phẩm làm ra không chỉ nuôi sống con người mà còn dư thừa.

Câu 5: Trong buổi đầu thời đại kim khí, loại kim loại nào được sử dụng sớm nhất?

- A. Sắt
- B. Đồng thau
- C. Đồng đỏ
- D. Thiếc

Câu 6: Điều kiện nào làm cho xã hội có sản phẩm dư thừa?

- A. Con người hăng hái sản xuất.
- B. Công cụ sản xuất bằng kim loại xuất hiện.
- C. Con người biết tiết kiệm trong chi tiêu
- D. Con người đã chinh phục được tự nhiên.

Câu 7: Khi sản phẩm xã hội dư thừa, ai là người chiếm đoạt của dư thừa đó?

- A. Tất cả mọi người trong xã hội.
- B. Những người có chức phận khác nhau.
- C. Những người trực tiếp làm ra của cải nhiều nhất.
- D. Những người đứng đầu mỗi gia đình.

Câu 8: Gia đình phụ hệ thay thế cho thị tộc; xã hội phân chia thành giai cấp gắn liền với công cụ sản xuất nào dưới đây?

- A. Công cụ bằng đá mới
- B. Công cụ bằng kim loại
- C. Công cụ bằng đồng đỏ.
- D. Công cụ bằng đồng thau.

Câu 9: Thời kì mà xã hội có giai cấp đầu tiên là thời kì nào?

- A. Thời nguyên thủy
- B. Thời đá mới
- C. Thời Cổ đại.
- D. Thời kim khí

Câu 10: ý nghĩa lớn nhất của sự xuất hiện công cụ bằng kim khí?

- A. Con người có thể khai phá đất đai
- B. Sự xuất hiện nông nghiệp dùng cày.
- C. Làm ra lượng sản phẩm dư thừa
- D. Biết đúc công cụ bằng sắt.

Câu 11: Loại công cụ nào mà khi xuất hiện được đánh giá là không có gì so sánh được?

- A. Cung tên.
- B. Công cụ xương, sừng.
- C. Công cụ bằng đồng.
- D. Công cụ bằng sắt.

Câu 12: Khi chế độ tư hữu xuất hiện đã kéo theo sự xuất hiện gia đình như thế nào?

- A. Gia đình mẫu hệ xuất hiện.
- B. Gia đình ba thế hệ xuất hiện.
- C. Gia đình phụ hệ xuất hiện.
- D. Gia đình hai thế hệ xuất hiện

CHƯƠNG II: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

BÀI 3: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

Câu 1: Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Thiên niên kỉ IV- III TCN.
- B. 3.000 TCN.
- C. Cách đây 4.000 năm.
- D. Cách đây 3.000 năm.

Câu 2: Khi xã hội nguyên thủy tan rã, người phương Đông thường quần tụ ở đâu để sinh sống?

- A. Vùng rừng núi
- B. Vùng trung du
- C. Các con sông lớn
- D. Vùng sa mạc

Câu 3: Cư dân Phương Đông sinh sống chủ yếu bằng nghề gì?

- A. Trồng trọt, chăn nuôi.
- B. Thương nghiệp.
- C. thủ công nghiệp
- D. Nông nghiệp và các ngành hỗ trợ cho nghề nông.

Câu 4: Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông gắn bó ràng buộc với nhau trong tổ chức công xã?

- A. Trồng lúa nước
- B. Trị thủy
- C. Chăn nuôi
- D. Làm nghề thủ công nghiệp

Câu 5: Xác định các sự kiện cặp đôi sau đây cho phù hợp với tên nước và các dòng sông mà cư dân phương Đông định cư đầu tiên.

- | | |
|---------------|-----------------------------|
| 1. Trung Quốc | A. Sông Hằng, sông ỉn |
| 2. Lưỡng Hà | B. Sông Nin. |
| 3. ỉn Độ | C. Sông Hồng |
| 4. Ai Cập | D. Sông Hoàng Hà |
| 5. Việt Nam | E. Sông Ồ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ |

Câu 6: Tại sao các quốc gia cổ đại phương Đông sớm hình thành và phát triển ở lưu vực các dòng sông lớn?

- A. Đây vốn là địa bàn sinh sống của người nguyên thủy.
- B. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mỡ, dễ canh tác, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển
- C. Cư dân ở đây sớm chế tạo ra công cụ bằng kim loại
- D. Có khí hậu nóng ẩm, phù hợp cho gieo trồng

Câu 7: Trong các quốc gia cổ đại phương Đông: Trung Quốc, Lưỡng Hà, ỉn Độ, Ai Cập, quốc gia nào được hình thành sớm nhất?

- A. ỉn Độ.
- B. Ai Cập
- C. Trung Quốc
- D. Lưỡng Hà.

Câu 8: Lực lượng sản xuất chính trong XH cổ đại phương Đông là:

- A. Nông dân công xã
- B. Nô lệ.
- C. Thợ thủ công.
- D. Thương nhân.

Câu 9: Công cụ sản xuất ban đầu của cư dân cổ đại phương Đông là gì?

- A. Đồ đá
- B. Đồ đồng
- C. Đồ sắt
- D. Đồng thau, đồ đá, tre, gỗ

- Câu 10:** Đứng đầu nhà nước ở các quốc gia cổ đại phương Đông là ai?
A. Vua chuyên chế. B. Đông đảo quốc tộc quan lại.
 C. Chủ ruộng đất và tầng lớp tăng nữ D. Quý tộc.
- Câu 12:** Lực lượng đông đảo nhất của xã hội cổ đại phương Đông là tầng lớp nào?
 A. Nô lệ. B. Nông dân công xã
 C. Nông dân tự do D. Nông nô
- Câu 11:** Trong các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp nào thấp nhất trong xã hội?
A. Nô lệ B. Nông nô
 C. Nông dân công xã D. Tất cả các tầng lớp đó.
- Câu 12:** Những người nào **không phải** là nô lệ trong xã hội cổ đại phương Đông ?
 A. Tù binh của chiến tranh B. Nông dân nghèo không trả được nợ
 C. Hầu hạ trong nhà quý tộc D. Nông dân công xã .
- Câu 13:** Vua ở Ai Cập được gọi là gì?
A. Pha-ra-on. B. En-xi
 . Thiên tử. D. Thần thánh dưới trần gian
- Câu 14:** "Dưới bầu trời rộng lớn không có nơi nào là không phải đất của nhà vua; trong phạm vi lãnh thổ, không người nào không phải thần dân của nhà vua". Câu nói đó được thể hiện trong quốc gia cổ đại nào ở phương Đông?
 A. Ai Cập B. Trung Quốc C. Ấn Độ D. Việt Nam
- Câu 15:** Chữ viết đầu tiên của người phương Đông cổ đại là gì?
 A. Chữ tượng ý B. Chữ La-tinh.
C. Chữ tượng hình D. Chữ tượng hình và tượng ý
- Câu 16:** Điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng:
 "..... là ngành khoa học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp".
 A. Chữ viết. B. Thiên văn học và lịch.
 C. Toán học. D. Chữ viết và lịch.
- Câu 17:** Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại phương Đông, cư dân nước nào thạo về số học? Vì sao?
 A. Trung Quốc. Vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.
B. Ai Cập. Vì phải đo diện tích phù sa bồi đắp.
 C. Lưỡng Hà. Vì phải đi buôn bán xa.
 D. Ấn Độ. Vì phải tính thuế.
- Câu 18:** Vì sao trong thời cổ đại người Ai Cập thạo về hình học?
A. Phải đo lại ruộng đất và vẽ các hình để xây tháp.
 B. Phải đo lại ruộng đất và chia đất cho nông dân.
 C. Phải vẽ các hình để xây tháp và tính diện tích nhà ở của vua.
 D. Phải tính toán các công trình kiến trúc.
- Câu 19:** Kim Tự Tháp là thành tựu kiến trúc của cư dân nào?
 A. Lưỡng Hà B. Ai Cập
 C. Trung Quốc D. Ấn Độ
- Câu 20:** Chữ số A rập, kể cả số 0 được dùng ngày nay là thành tựu của:
 A. Người Ai Cập cổ đại B. Người Lưỡng Hà
 C. Người La Mã cổ đại D. Người Ấn Độ cổ đại
- Câu 23:** Đặc điểm kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?
A. Nông nghiệp lúa nước. B. Làm đồ gỗ, dệt vải
 C. Chăn nuôi gia súc. D. Buôn bán giữa các vùng.
- Câu 21:** Các tầng lớp chính trong xã hội phương Đông là

- A. Chủ nô, nông dân tự do, nô lệ
- B. Quý tộc, quan lại, nông dân công xã
- C. Vua, quý tộc, nô lệ
- D. Nô lệ, quý tộc, nông dân công xã.

Câu 22: Lịch do người phương Đông tạo ra gọi là

- A. Lịch Pháp.
- B. Âm lịch.
- C. Nông lịch.
- D. Dương lịch.

BÀI 4 : CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY - HI LẠP VÀ RÔ-MA

Câu 1: Phần lớn lãnh thổ của các nước phương Tây cổ đại được hình thành trên những vùng đất nào?

- A. Đồng bằng
- B. Cao nguyên
- C. Núi và cao nguyên
- D. Núi

Câu 2: Vào khoảng thời gian nào cư dân Đại Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt?

- A. Khoảng thiên niên kỉ I TCN
- B. Khoảng thiên niên kỉ II TCN
- C. Khoảng thiên niên kỉ III TCN
- D. Khoảng thiên niên kỉ IV TCN

Câu 4: Ngành sản xuất nào phát triển sớm và mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải?

- A. Nông nghiệp
- B. Thủ công nghiệp
- C. Thương nghiệp
- D. Câu A và B đúng.

Câu 5: Người Hi Lạp và Rô-ma đã đưa các sản phẩm thủ công nghiệp bán ở đâu?

- A. Khắp các nước phương Đông.
- B. Khắp thế giới.
- C. Khắp Trung Quốc và Ấn Độ
- D. Khắp mọi miền ven biển Địa Trung Hải

Câu 6: Người Hi Lạp và Rô-ma đã mua những sản phẩm như lúa mì, súc vật, lông thú từ đâu về?

- A. Từ Địa Trung Hải
- B. Từ Hắc Hải, Ai Cập
- C. Từ Ấn Độ, Trung Quốc
- D. Từ các nước trên thế giới.

Câu 7: Trong các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, giai cấp nào trở thành lực lượng lao động chính làm ra của cải nhiều nhất cho xã hội?

- A. Chủ nô
- B. Nô lệ
- C. Nông dân
- D. Quý tộc

Câu 8: Trong xã hội chiếm nô ở Hi Lạp và Rô-ma có hai giai cấp cơ bản nào?

- A. Địa chủ và nông dân
- B. Quý tộc và nông dân
- C. Chủ nô và nô lệ.
- D. Chủ nô và nông dân công xã.

Câu 10: ở Rô-ma, những người lao động khỏe mạnh nhất được sử dụng làm gì?

- A. Làm việc ở xưởng thủ công
- B. Làm việc ở trang trại
- C. Làm đấu sĩ ở trường đấu
- D. Tất cả ở các lĩnh vực trên.

Câu 11: Ngoài nô lệ là lực lượng đông nhất, trong xã hội Hi Lạp và Rô-ma còn có lực lượng nào cũng chiếm tỉ lệ khá đông?

- A. Nông dân
- B. Thương nhân
- C. Thợ thủ công
- D. Bình dân

Câu 12: Được gọi là xã hội chiếm nô, xã hội có phải có đặc trưng tiêu biểu nhất là gì?

- A. Chủ nô chiếm nhiều nô lệ.
- B. Xã hội chỉ có hoàn toàn chủ nô và nô lệ.
- C. Xã hội chủ yếu dựa trên lao động của nô lệ, bóc lột nô lệ.
- D. Chủ nô buôn bán, bắt bóc nô lệ.

Câu 13: Địa bàn sinh sống của những cư dân ở Địa Trung Hải đông nhất ở đâu?

A. ở nông thôn B. ở miền núi C. ở thành thị D. ở trung du

Câu 14: Đặc điểm của Thị quốc ở Địa Trung Hải là gì?

- A. ở Địa Trung Hải nhiều quốc gia có thành thị.
B. ở Địa Trung Hải mỗi thành thị là một quốc gia.
 C. ở Địa Trung Hải có nhiều phụ nữ sống ở thành thị.
 D. ở Địa Trung Hải mỗi thành thị có nhiều quốc gia.

Câu 15: Quyền lực xã hội ở các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải nằm trong tay thành phần nào?

- A. Quốc tịch phong kiến B. Vua chuyên chế
C. Chủ hộ, chủ xưởng, nhà buôn D. Bô lão của thị tộc

Câu 17: Thể chế dân chủ ở A-ten của Hi Lạp cổ đại có bước tiến bộ như thế nào?

- A. Tạo điều kiện cho chủ nô quyết định mọi công việc.
 B. Tạo điều kiện cho chủ xưởng quyết định mọi công việc.
C. Tạo điều kiện cho các công dân có quyền tham gia hoặc giám sát đời sống chính trị của đất nước.

D. Tạo điều kiện cho vua thực hiện quyền chuyên chế thông qua các Viện nguyên lão.

Câu 18: Sau cuộc chiến tranh với Ba Tư, thị quốc A-ten như thế nào?

- A. Bị điều tàn do chiến tranh.
B. Trở thành minh chủ của các quốc gia Hi Lạp.
 C. Trở thành đế quốc mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải.
 D. Trở thành một quốc gia độc lập.

Câu 19: Rô-ma trở thành quốc gia mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ III TCN. B. Thế kỉ II TCN
 C. Thế kỉ IV TCN D. Thế kỉ V TCN

Câu 20: Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất ở các thị quốc trong các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải?

- A. Thị dân B. Thương nhân
 C. Nô lệ D. Bình dân

Câu 21: Cuộc khởi nghĩa Xpac-ta-cút diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 73 TCN B. Năm 71-73 TCN
 C. Năm 71-72 TCN D. Năm 476-477

Câu 22: Năm 476, đế quốc nào ở Địa Trung Hải một thời oai hùng, bị sụp đổ?

- A. Đế quốc Hi Lạp. B. Đế quốc Rô-ma.
 C. Đế quốc Ba Tư D. Tất cả các đế quốc trên.

Câu 23: Nước nào đi đầu trong việc hiểu biết chính xác về Trái Đất và Hệ Mặt trời? Nhờ đâu?

- A. Rô-ma, Nhờ canh tác nông nghiệp.
B. Hi Lạp, Nhờ đi biển.
 C. Hi Lạp, Nhờ buôn bán giữa các thị quốc
 D. Ba Tư, Nhờ khoa học - kỹ thuật phát triển.

Câu 24: Người nước nào đã tính được một năm có 365 ngày và 1/4, nên họ định một tháng có 30 ngày và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày?

- A. Hi Lạp B. Ai Cập
 C. Trung Quốc D. Rô-ma

Câu 25: Nước nào đã phát minh ra hệ thống chữ cái A, B, C?

- A. Ai Cập B. Hi Lạp
C. Hi Lạp, Rô-ma D. Ai Cập, ấn Độ

Câu 26: "Trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh góc vuông". Đó là định lí của ai?

- A. Pi-ta-go B. Ô-clit

C. Ta-let D. ác-si-mét

Câu 27: I-li-at và Ô-di-xê là bản anh hùng ca nổi tiếng của nước nào thời cổ đại?

A. Hi Lạp B. Ai Cập
C. Rô-ma D. Trung Quốc

Câu 28: Tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng thế giới "Người lực sĩ ném đĩa, Thần Vệ nữ Mi lô" của nước nào?

A. Hi Lạp B. Ấn Độ
C. Trung Quốc. D. Rô-ma

Câu 29: Những công trình kiến trúc tạo nên dáng vẻ oai nghiêm, đồ sộ, hoành tráng và thiết thực, đó là đặc điểm nghệ thuật của quốc gia cổ đại nào?

A. Hi Lạp B. Ấn Độ
C. Trung Quốc D. Rô-ma.

CHƯƠNG III: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN **BÀI 5: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN**

Câu 1: Vào năm nào nhà Tần thống nhất Trung Quốc?

A. Năm 221 TCN. B. Năm 212 TCN.
C. Năm 122 TCN. D. Năm 215 TCN.

Câu 2: Chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại để cai trị, ban hành một chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất cho cả nước, gây chiến tranh, mở rộng lãnh thổ về phía bắc và phía nam. Đó là chính sách của triều đại nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Tần (221 - 206 TCN). B. Nhà Hán (206 TCN đến 220).
C. Nhà Tuỳ (589-618). D. Nhà Đường (618-907)

Câu 3: Chế độ phong kiến Trung Quốc bắt đầu từ thời nhà nào?

A. Nhà Hạ. B. Nhà Hán. C. Nhà Tần. D. Nhà Chu.

Câu 4: Nhà Tần ở Trung Quốc tồn tại bao nhiêu năm, sau đó nhà Hán lên thay?

A. 10 năm B. 15 năm C. 20 năm. D. 22 năm

Câu 5: Sự xuất hiện công cụ bằng sắt ở Trung Quốc vào giai đoạn lịch sử nào?

A. Thời Xuân Thu - Chiến Quốc B. Thời Tam quốc
C. Thời Tây Tấn. D. Thời Đông Tấn.

Câu 6: Năm 770 - 475 TCN, tương ứng với thời nào ở Trung Quốc?

A. Thời Xuân Thu B. Thời Chiến Quốc
C. Thời nhà Tần D. Thời nhà Hán.

Câu 7: Giai cấp địa chủ ở Trung Quốc được hình thành từ:

A. Quan lại B. Quan lại và một số nông dân giàu có.
C. Quý tộc và tầng lớp D. Quan lại, quý tộc, tầng lớp.

Câu 8: Nông dân lĩnh canh ở Trung Quốc thời phong kiến xuất hiện từ đâu?

A. Nông dân tự canh.
B. Nông dân công xã rất nghèo, không có hoặc quá ít ruộng.
C. Tá điền.
D. Nông dân giàu có bị phá sản.

Câu 9: Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ cày gọi là:

A. Nông dân tự canh. B. Nông dân lĩnh canh.
C. Nông dân làm thuê. D. Nông nô.

Câu 10: Quan hệ sản xuất trong xã hội phong kiến Trung Quốc là quan hệ giữa giai cấp nào với giai cấp nào?

A. Quý tộc với nông dân công xã. B. Quý tộc với nô lệ.

C. Địa chủ với nông dân lĩnh canh. D. Địa chủ với nông dân tự canh.

Câu 11: Xoá bỏ chế độ pháp luật hà khắc của nhà Tần, giảm nhẹ tô thuế và sưu định cho nông dân, khuyến khích họ nhận ruộng cày cấy và khai hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp. Đó là việc làm của triều đại nào?

A. Nhà Hán B. Nhà Đường C. Nhà Tống D. Nhà Nguyên

Câu 12: Đơn vị hành chính cao nhất dưới thời đại nhà Tần là gì?

A. Trần, phủ. B. Quận, huyện. C. Huyện, xã D. Phủ, thành

Câu 13: Công trình phòng ngự nổi tiếng của nhân dân Trung Quốc được xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là gì?

A. Vạn lý trường thành B. Tử cấm thành
C. Ngạc môn D. Lũy Trường Dục.

Câu 14: Chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời nhà Tần tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. 206 TCN - 221 B. 207 TCN - 222
C. 207 TCN - 221 D. 206 TCN - 212

Câu 15: Dưới thời Tần - Hán, Trung Quốc đã phát động các cuộc chiến tranh xâm lược nào?

A. Việt Nam, ấn Độ
B. Bán đảo Triều Tiên, Các nước phương Nam và Nam Việt.
C. Mông Cổ, Cham-pa.
D. Triều Tiên, ấn Độ, Việt Nam.

Câu 16: ở Trung Quốc, Nho giáo là một trường phái tư tưởng xuất hiện vào thời kì nào? Do ai sáng lập?

A. Thời cổ đại, do Khổng Minh sáng lập.
B. Thời phong kiến Tần - Hán, do Khổng Tử sáng lập
C. Thời Xuân Thu - Chiến Quốc, do Mạnh Tử sáng lập
D. Thời cổ đại, do Khổng Tử sáng lập.

Câu 17: Quan điểm cơ bản của Nho giáo là đảm bảo tôn ti trật tự ổn định trong các quan hệ chủ yếu của xã hội. Đó là quan hệ nào?

A. Vua-tôi, cha-con, bạn-bè. B. Vua-tôi, vợ-chồng, cha-con
C. Vua-tôi, cha-con, vợ-chồng D. Các quan hệ trên.

Câu 18: "Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung"

Phụ xử tử trung, tử bất trung bất hiếu" Đó là quan điểm của:

A. Nho giáo. B. Phật giáo C. Đạo giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 19: Sắp xếp theo thứ tự cho đúng với thuyết "ngũ thường" của Nho giáo.

A. Nhân - Nghĩa - Lễ - Tín - Trí.
B. Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín.
C. Nhân - Trí - Lễ - Nghĩa - Tín.
D. Nhân - Nghĩa - Tín - Trí - Lễ.

Câu 20: Vào thời kì nào ở Việt Nam, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến?

A. Thời nhà Lý. B. Thời nhà Trần.
C. Thời nhà Lê. D. Thời nhà Hồ.

Câu 21: Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên, ghi chép sự thật lịch sử của mấy ngàn năm từ thời kì nào đến thời kì nào?

A. Thời Các triều đại truyền thuyết đến nhà Tần.
B. Thời Các triều đại truyền thuyết đến thời Hán Vũ Đế.
C. Thời nhà Tần đến nhà Hán.
D. Thời nhà Hạ đến nhà Hán.

- Câu 22:** Chế độ phong kiến Trung Quốc phát triển đến đỉnh cao vào thời nhà nào?
 A. Thời nhà Hán B. Thời nhà Tần
 C. Thời nhà Đường D. Thời nhà Tống
- Câu 23:** Vào thời nào Trung Quốc được thống nhất trở lại?
 A. Nhà Tống B. Nhà Đường.
 C. Nhà Minh D. Nhà Tuỳ
- Câu 24:** Ai là người cướp ngôi nhà Tuỳ lập ra nhà Đường?
 A. Trần Thắng B. Ngô Quảng
 C. Lý Uyên D. Chu Nguyên Chương
- Câu 25:** Trong khoảng thời gian từ năm 618 - 907 gắn liền với nhà nào ở Trung Quốc?
 A. Nhà Tống B. Nhà Đường
 C. Nhà Minh D. Nhà Tuỳ
- Câu 26:** Chế độ ruộng đất nổi tiếng dưới thời nhà Đường gọi là gì?
 A. Chế độ công điền B. Chế độ tịch điền
 C. Chế độ quân điền D. Chế độ lĩnh canh
- Câu 27:** Đến thời nhà Tống, người Trung Quốc đã có những phát minh quan trọng, đó là gì?
 A. Kỹ thuật luyện đồ kim loại
 B. Đóng tàu, chế tạo súng
 C. Thuốc nhuộm, thuốc in
 D. La bàn, thuốc súng, nghề in, giấy viết
- Câu 28:** Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là ba nhà thơ lớn dưới thời nào ở Trung Quốc?
 A. Thời nhà Tần B. Thời nhà Hán
 C. Thời nhà Đường D. Thời nhà Tống
- Câu 29:** Dưới triều đại nào Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu á?
 A. Nhà Tần B. Nhà Đường
 C. Nhà Minh D. Nhà Thanh
- Câu 30:** Tình trạng chia cắt loạn lạc sau thời Đường trước thời Tống ở Trung Quốc được sử sách gọi là gì?
 A. Thời Đông Tấn B. Thời Ngũ đại
 C. Thời Tam quốc D. Thời Tây Tấn
- Câu 31:** Sau khi nhà Tống bị tiêu diệt, Trung Quốc bước vào triều đại nhà nào?
 A. Nhà Minh B. Nhà Thanh
 C. Nhà Nguyên D. Nhà Bắc Tống
- Câu 32:** Nhà Nguyên tồn tại ở Trung Quốc trong thời gian bao lâu?
 A. 79 năm B. 97 năm
 C. 99 năm D. 76 năm
- Câu 33:** Ai là người lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Minh?
 A. Lý Tự Thành B. Ngô Quảng
 C. Chu Nguyên Chương D. Trần Thắng
- Câu 34:** Bộ Lễ, Binh, Hình, Công, Lại, Hộ ở thời Minh của Trung Quốc bắt đầu xuất hiện trong triều đại phong kiến nào ở Việt Nam?
 A. Thời Lý B. Thời Trần
 C. Thời Lê sơ D. Thời Nguyễn
- Câu 35:** Mầm móng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong thời kì nào ở Trung Quốc?
 A. Nhà Đường B. Nhà Tống
 C. Nhà Minh D. Nhà Thanh

Câu 36: Triều đại phong kiến nhà Minh ở Trung Quốc do ai lập ra?

- A. Lý Tự Thành B. Chu Nguyên Chương
C. Hồ Tắt Liệt D. Lưu Bang

CHƯƠNG IV: ẨM ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

BÀI 6: CÁC QUỐC GIA ẨM VÀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẨM ĐỘ

Câu 1: Quốc gia đầu tiên của ẨM ĐỘ có tên gọi là gì?

- A. Gúp-ta B. Vương triều Hồi giáo Đê-li
C. Vương triều Mô-gôn D. Ma-ga-đa.

Câu 2: Vua đầu tiên của nước Ma-ga-đa là ai?

- A. Bim-bi-sa-ra B. A-sô-ca
C. A-cơ-ba D. Không phải các vua trên.

Câu 3: Ông vua kiệt xuất của nước Ma-ga-đa và nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử ẨM ĐỘ là ai?

- A. Bim-bi-sa-ra. B. A-sô-ca. C. A-cơ-ba D. Bơ-ra-ma

Câu 4: Khi A-sô-ca mất, đất nước ẨM ĐỘ như thế nào?

- A. Thống nhất gần hết bán đảo ẨM ĐỘ
B. Đất nước trở nên hùng cường.
C. ẨM ĐỘ bị chia cắt, khủng hoảng
D. ẨM ĐỘ bị Mông Cổ xâm lược ngay

Câu 5: Đền Vua triều nào, miền Bắc ẨM ĐỘ được thống nhất trở lại, bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ phát triển cao và rất đặc sắc của lịch sử ẨM ĐỘ?

- A. Vương triều Hồi giáo Đê-li B. Vương triều Hác-sa
C. Vương triều A-sô-ca. D. Vương triều Gúp-ta

Câu 6: Vương triều Gúp-ta do ai sáng lập? Vào thời gian nào?

- A. Gúp-ta sáng lập, vào đầu Công nguyên.
B. A-sô-ca sáng lập, vào thế kỉ II.
C. A-cơ-ba sáng lập, vào thế kỉ IV.
D. Bim-bi-sa-ra sáng lập, vào năm 1500 TCN.

Câu 7: Vương triều Gúp-ta có bao nhiêu đời vua? Trải qua bao nhiêu năm?

- A. 7 đời vua - 120 năm B. 9 đời vua - 150 năm
C. 8 đời vua - 140 năm D. 10 đời vua - 150 năm.

Câu 8: Vương triều Hác-sa tồn tại trong thời gian nào?

- A. 319-467 B. 319-606 C. 606-647 D. 606-764

Câu 9: Đạo Phật ra đời vào thời gian nào ở ẨM ĐỘ? Tương ứng với đời vua nào?

- A. Thế kỷ III TCN, tương ứng với vua A-sô-ca.
B. Thế kỷ I, tương ứng với vua Gúp-ta.
C. Thế kỷ IV, tương ứng với vua Hác-sa.
D. Thế kỷ VI TCN, tương ứng với vua Bim-bi-sa-ra.

Câu 10: Phật giáo được truyền bá rộng khắp dưới thời vua nào của ẨM ĐỘ?

- A. Bim-bi-sa-ra B. A-sô-ca C. A-cơ-ba D. Gúp-ta

Câu 11: Dưới thời vua nào ở ẨM ĐỘ, đạo Phật được tôn làm quốc giáo?

- A. A-sô-ca B. A-cơ-ba C. Gúp-ta D. Hác-sa

Câu 12: Trong bốn thần chủ yếu mà người ẨM ĐỘ thờ, thần Bra-ma gọi là thần gì?

- A. Thần Sáng tạo thế giới. B. Thần Tàn phá
C. Thần Bảo hộ D. Thần Sấm sét

Câu 13: Thần nào dưới đây ở ẨM ĐỘ được gọi là thần Bảo hộ?

- A. Bra-ma B. Si-va C. Vi-snu D. In-đra.

- Câu 14:** Chữ viết San-skơ-rít (chữ Phạn) được hoàn thiện dưới thời vua nào ở Ấn Độ?
 A. A-sô-ca B. A-bơ-ca C. Gúp-ta D. Hác-sa
- Câu 15:** Yếu tố nào dưới đây không thuộc sự phát triển về văn hóa lâu đời của Ấn Độ?
 A. Tôn giáo (Phật giáo và Hin-đu giáo)
 B. Nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ, tượng Phật.
 C. Chữ viết, đặc biệt là chữ Phạn.
 D. Lễ, Hội tổ chức vào mùa gặt hái.
- Câu 16:** Các nước nào đã chịu ảnh hưởng rất rõ rệt về văn hóa truyền thống của Ấn Độ?
 A. Trung Quốc B. Ấn Độ
 C. Mông Cổ D. Các nước Đông Nam á
- Câu 17:** Tôn giáo nào đã giữ vai trò quan trọng trong quá trình thống nhất Vương quốc Ma-ga-đa?
 A. Ấn Độ giáo. B. Phật giáo C. Hồi giáo D. Thiên Chúa giáo
- Câu 18:** Đạo Phật ra đời vào thời gian nào ở Ấn Độ?
 A. Thế kỉ III TCN. B. Thế kỉ IV TCN
 C. Thế kỉ V TCN D. Thế kỉ VI TCN
- Câu 19:** Đến thế kỉ III TCN, đất nước Ma-ga-đa trở nên hùng mạnh nhất dưới thời vua nào?
 A. A-cơ-ba B. A-sô-ca
 C. Sa-mu-đra-gup-ta D. Mi-hi-ra-cu-la
- Câu 20:** Sau thời kì phân tán loạn lạc (thế kỉ III TCN đến đầu thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất lại dưới Vương triều nào?
 A. Vương triều Gúp-ta B. Vương triều Hồi giáo Đê-li
 C. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn D. Vương triều Hác-sa
- Câu 21:** Trong lịch sử trung đại, Vương triều nào được xem là giai đoạn thống nhất và thịnh vượng nhất?
 A. Vương triều Gúp-ta B. Vương triều Hồi giáo Đê-li
 C. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn D. Vương triều Hác-sa
- Câu 22:** Điều nào chứng tỏ trình độ phát triển cao của nghề luyện kim dưới Vương triều Gúp-ta?
 A. Đúc được cột sắt không rỉ, đúc tượng Phật bằng đồng cao 2m.
 B. Đúc được cột sắt, đúc tượng Phật bằng sắt cao 2m.
 C. Nghề khai mỏ phát triển: khai thác sắt, đồng, vàng.
 D. Đúc một cột sắt cao 7,24m nặng 6500kg.

BÀI 7: SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA ẤN ĐỘ

- Câu 1:** Khi bị chia rẽ, phân tán, đất nước Ấn Độ chia thành mấy miền?
 A. Hai miền: Bắc - Nam
 B. Ba miền: Bắc - Nam - Trung .
 C. Bốn miền: Bắc-Nam-Trung-Đông.
 D. Ba miền: Tây Nam-Đông Bắc và Tây Bắc.
- Câu 2:** Trong sáu nước đã chia cắt, nước nào ở vùng Đông Bắc Ấn Độ nổi trội hơn cả?
 A. Pa-la-va B. Pa-la
 C. Vương quốc Hồi giáo Mô-gôn D. Vương quốc Hồi giáo Đê-li
- Câu 3:** Nước nào ở miền Nam Ấn Độ có vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hoá Ấn Độ đến các nước Đông Nam á?
 A. Pa-la-va B. Vương quốc Hồi giáo Mô-gôn
 C. Vương quốc Hồi giáo Đê-li D. Pa-la

Câu 4: Người Hồi giáo tiến hành cuộc chinh chiến vào đất Ấn Độ, từng bước chinh phục các tiểu quốc Ấn rồi lập lên Vương triều Hồi giáo Đê-li có gốc ở đâu?

- A. ở Tây á B. ở Trung á C. ở Nam á D. ở Bắc á

Câu 5: Vương triều Hồi giáo Đê-li tồn tại và phát triển ở Ấn Độ trong thời gian nào?

- A. 1206-1526 B. 1207-1526 C. 1208-1526 D. 1026-1526

Câu 6: Vào thời gian nào kinh đô Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới"?

- A. Thế kỉ XIII B. Thế kỉ XIV C. Thế kỉ XV D. Thế kỉ XVI

Câu 7: Ai là người đánh chiếm Đê-li lập ra vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ?

- A. Ti-mua-Leng B. Ba-bua C. A-cơ-ba D. Sa Gia-han

Câu 8: A-cơ-ba làm vua ở Vương triều Mô-gôn được bao nhiêu năm?

- A. 39 năm B. 30 năm C. 49 năm D. 59 năm

Câu 9: Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo ... Đó là chính sách tiên bộ của ai?

- A. Gúp -ta B. A-sô-ca C. Hác-sa D. A-cơ-ba

Câu 10: Người Ấn Độ có chữ viết riêng của mình từ rất sớm, phổ biến nhất là chữ gì?

- A. Chữ tượng hình B. Chữ tượng ý C. Chữ Hin-đu D. Chữ Phạn

Câu 11: Hoàng đế cuối cùng của các Vương triều ở Ấn Độ là ai?

- A. A-cơ-ba B. Gian-ha-ghia C. Ao-reng-dép D. Sa Gia-han

Câu 12: Vương triều Hồi giáo Đê-li do người gốc ở đâu lập nên?

- A. Người Ấn Độ B. Người Thổ Nhĩ Kỳ
C. Người Mông Cổ D. Người Trung Quốc

Câu 13: Dưới Vương triều Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XII - XVI) cảm đoan nghiệt ngã đạo gì?

- A. Đạo Phật B. Đạo Thiên Chúa C. Đạo Hin-đu D. Đạo Bà La Môn

Câu 14: Vương triều Ấn Độ Mô-gôn có một vị vua kiệt xuất, ông là ai?

- A. A-cơ-ba B. A-sô-ca
C. Sa-mu-đra Gúp-ta D. Mi-hi-ra-cu-la

Câu 15: Dưới sự trị vì của mình, A-cơ-ba (1556-1605) đã thi hành nhiều biện pháp tiên bộ. Đó là những biện pháp gì?

- A. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo B. Thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo
C. Khôi phục và phát triển kinh tế Ấn Độ D. Cả ba câu trên đều đúng

Câu 16: Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán vào thế kỉ nào?

- A. Thế kỉ VIII B. Thế kỉ IX C. Thế kỉ VII D. Thế kỉ VI

Câu 17: Ti-mua Leng cùng một bộ phận dân Trung á bắt đầu tấn công Ấn Độ từ năm nào?

- A. Năm 1397 B. Năm 1398 C. Năm 1395 D. Năm 1396

Câu 18: Hai bộ sử thi nổi tiếng nhất của Ấn Độ thời cổ đại là:

- A. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na
B. Ma-ha-bha-ra-ta và Pritsicat
C. Ra-ma-ya-na và Xat-sai-a
D. Ra-ma-ya-na và Mê-ga-đu-ta

CHƯƠNG V: ĐÔNG NAM Á THỜI PHONG KIẾN

BÀI 8: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC VƯƠNG QUỐC CHÍNH Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Đông Nam á từ lâu được coi là một khu vực địa lý - lịch sử - văn hóa riêng biệt và còn được gọi là khu vực gì?

- A. "Châu á gió mùa" B. "Châu á thức tỉnh"
C. "Châu á lục địa" D. "Châu á bùng cháy"

Câu 2: Các quốc gia Đông Nam á có một nét chung về điều kiện tự nhiên, đó là:

- A. Chịu ảnh hưởng của khí hậu gió mùa
- B. Chịu sự ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới.
- C. Chịu sự ảnh hưởng của khí hậu ôn đới
- D. Chịu sự ảnh hưởng của khí hậu hàn đới.

Câu 3: Đông Nam á chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt, đó là:

- A. Mùa khô và mùa hanh.
- B. Mùa khô và mùa mưa
- C. Mùa đông và mùa xuân
- D. Mùa thu và mùa hạ.

Câu 4: Dựa vào yếu tố tự nhiên nào, cư dân Đông Nam á từ xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây ăn quả, ăn củ khác?

- A. Mùa khô tương đối lạnh, mát
- B. Mùa mưa tương đối nóng
- C. Gió mùa kèm theo mưa
- D. Khí hậu mát, ẩm.

Câu 5: Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam á đã biết sử dụng kim loại gì?

- A. Sắt
- B. Đồng
- C. Vàng
- D. Thiếc

Câu 6: Đông Nam á hiện nay có thêm nước nào?

- A. Mi-an-ma
- B. Mã Lai
- C. Đông Ti-mo
- D. Ma-lai-xi-a

Câu 7: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng: "ở Đông Nam á, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều dấu vết của quá trình chuyển từ vượn thành..."

- A. Người
- B. Vượn người
- C. Người tinh khôn
- D. Người vượn sống cách đây khoảng 5 triệu năm

Câu 8: Loài vượn khổng lồ được các nhà khoa học phát hiện ở nước nào thuộc khu vực Đông Nam á?

- A. Việt Nam
- B. In-đô-nê-xi-a
- C. Ma-lai-xi-a
- D. Phi-lip-pin

Câu 9: Tại Việt Nam các nhà khoa học đã phát hiện ra những di cốt và những công cụ đồ đá của Người tối cổ ở vùng nào?

- A. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, núi Đọ
- B. Sa Huỳnh - Quảng Ngãi
- C. ở Đồng bằng sông Hồng
- D. ở Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 10: Vào giai đoạn nào ở Đông Nam á đã có sự chuyển biến mạnh mẽ từ nông nghiệp trồng rau, củ sang nông nghiệp trồng lúa nước?

- A. Sơ kì đá mới
- B. Trung kì đá mới
- C. Hậu kì đá mới
- D. Sơ kì đồ sắt

Câu 11: Dấu vết của những hạt lúa cháy hay vỏ trấu trộn trong gốm được tìm thấy ở đâu?

- A. Thái Lan
- B. Thái Lan, Việt Nam
- C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a
- D. Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin

Câu 12: Đồ đồng được sử dụng ở Đông Nam á vào khoảng thời gian nào?

- A. Thiên niên kỉ I TCN
- B. Thiên niên kỉ II TCN
- C. Thiên niên kỉ III TCN
- D. Thiên niên kỉ IV TCN

Câu 13: Vào những thế kỉ tiếp giáp với Công nguyên, loại công cụ nào được bắt đầu sử dụng rộng rãi ở Đông Nam á để đưa các tộc người Đông Nam á đứng trước "ngưỡng cửa" của xã hội có giai cấp và Nhà nước?

- A. Đồ đồng
- B. Đồ đá mới
- C. Đồ sắt
- D. Các loại công cụ trên.

Câu 14: Vương quốc Phù Nam xuất hiện vào khoảng thời gian nào và tồn tại đến khoảng thời gian nào?

- A. Từ cuối thế kỉ I đến đầu thế kỉ VI.
- B. Từ cuối thế kỉ VII đến cuối thế kỉ VI
- C. Từ cuối thế kỉ I đến cuối thế kỉ VI
- D. Từ đầu thế kỉ I đến đầu thế kỉ VI

Câu 15: Các quốc gia phong kiến Đông Nam á được hình thành vào thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ VII đến đầu thế kỉ X
- B. Từ thế kỉ VII đến nửa đầu thế kỉ X
- C. Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ X
- D. Từ thế kỉ VI đến đầu thế kỉ X.

Câu 16: Từ thế kỉ IX, Vương quốc nào đã trở thành một trong những Vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất trong khu vực Đông Nam á?

- A. Phù Nam
- B. Cam-pu-chia
- C. Pa-gan
- D. Chap-pa

Câu 17: Vào thế kỉ IX, trên lưu vực sông I-ra-oa-di, người Miến đã lập ra Vương quốc nào?

- A. Vương quốc Pa-gan
- B. Vương quốc Cham-pa
- C. Vương quốc Phù Nam.
- D. Vương quốc của người Môn-ha-ri-pun-giay-a

Câu 18: Vào đầu thế kỉ XIII, Mông Cổ đã năm lần đem quân đánh nước nào ở Đông Nam á?

- A. Đại Việt
- B. Miến Điện
- C. Cham-pa
- D. Cam-pu-chia

Câu 19: Vương quốc A-út-thay-a của người Thái đổi thành Nhà nước Xiêm vào thời gian nào?

- A. 1676
- B. 1776
- C. 1769
- D. 1768

Câu 20: Năm 1353, Vương quốc nào của người Thái được thành lập ở vùng trung lưu sông Mê Công?

- A. Vương quốc A-út-thay-a
- B. Vương quốc Xu-khô-thay-a
- C. Vương quốc Xiêm
- D. Vương quốc Lan Xang.

Câu 21: Vào thời gian nào các quốc gia phong kiến Đông Nam á bước vào giai đoạn suy thoái?

- A. Nửa sau thế kỉ XVI
- B. Nửa sau thế kỉ XVII
- C. Nửa đầu thế kỉ XVIII
- D. Nửa sau thế kỉ XVIII.

Câu 22: Nhân tố nào là nhân tố cuối cùng, có tính chất quyết định, dẫn tới sự suy sụp của các Vương quốc ở Đông Nam á?

- A. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây.
- B. Phong trào khởi nghĩa của nông dân
- C. Sự xung đột giữa các quốc gia Đông Nam á
- D. Sự nổi dậy của cát cứ, địa phương ở từng nước

Câu 23: Nước nào ở phương Tây mở đầu cho việc xâm lược các nước ở khu vực Đông Nam á?

- A. Tây Ban Nha
- B. Bồ Đào Nha
- C. Anh
- D. Pháp

Câu 24: Vào cuối thế kỉ XIX, nước nào ở Đông Nam á bị thực dân Pháp xâm lược?

- A. Việt Nam
- B. Lào
- C. Cam-pu-chia
- D. Ba nước Đông Dương

Câu 25: Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam á vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII
- B. Giữa thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.
- C. Nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.
- D. Cuối thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

Câu 26: Giữa thế kỉ XIX, hầu hết các quốc gia Đông Nam á đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây, trừ nước nào?

- A. Việt Nam
- B. Thái Lan
- C. Phi-lip-pin
- D. Xin-ga-po

Câu 27: Văn hóa của các nước Đông Nam á chịu ảnh hưởng nhiều nhất của văn hóa nước nào?

- A. Ấn Độ B. Trung Quốc C. Triều Tiên D. Nhật Bản

Câu 28: Nghệ thuật điêu khắc ở Đông Nam á thể hiện chủ yếu ở hai loại nào?

- A. Tượng tròn và phù điêu. B. Tượng tròn và bầu dục
C. Phù điêu và bầu dục D. Tượng tròn và tượng vuông.

BÀI 9: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

Câu 1: Vương quốc Cam-pu-chia được hình thành vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ III B. Thế kỉ IV C. Thế kỉ V D. Thế kỉ VI

Câu 2: Sử sách Trung Quốc gọi Vương của người Khơ-me là gì?

- A. Chăm-pa B. Chân Lạp C. Cam-pu-chia D. Miên

Câu 3: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì gì?

- A. Thời kì thịnh đạt B. Thời kì Ấng-co
C. Thời kì hoàng kim D. Thời kì Bay-on

Câu 4: Vào thời gian nào Cam-pu-chia trở thành một trong những Vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất ở Đông Nam á?

- A. Thế kỉ XI - XII B. Thế kỉ X - XI
C. Thế kỉ X - XII D. Thế kỉ XIII

Câu 5: Giay-a-vec-man VII làm vua ở Cam-pu-chia được bao nhiêu năm?

- A. 20 năm B. 18 năm C. 9 năm D. 7 năm

Câu 6: Dưới thời Giay-a-vec-man VII, quân Cam-pu-chia đã biến Vương quốc nào thành một tỉnh của Ấng-co?

- A. Thái Lan B. Chăm-pa C. Chân Lạp D. Mã Lai

Câu 7: Vì sao đến năm 1432, người Khơ-me phải bỏ Ấng-co về phía Nam Biển Hồ?

- A. Vì phía Nam Biển Hồ là vùng đất trù phú.
B. Vì bị người Thái chiếm phía Tây Biển Hồ.
C. Vì bị người Mã Lai xâm chiếm phía Tây Biển Hồ.
D. Phía Tây Bắc Biển Hồ là vùng đất của Chăm-pa phải trả lại.

Câu 8: Vào năm 1863, Cam-pu-chia bị nước nào xâm lược?

- A. Thái Lan B. Mã Lai C. Anh D. Pháp

Câu 9: Thế kỉ XII, đạo nào có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia?

- A. Đạo Phật Đại thừa B. Đạo Phật Tiểu thừa.
C. Đạo Hin-đu D. Đạo Ki-tô

Câu 10: Công trình kiến trúc quần thể Ấng-cô Vát và Ấng-cô Thom là biểu trưng của tôn giáo nào?

- A. Phật B. Nho giáo
C. Ấn Độ giáo D. Thiên Chúa Giáo

Câu 11: Cư dân Lào cổ cũng nói tiếng Môn Khơ-me, gọi là gì?

- A. Lào Lùm B. Lào Thương
C. Lào Môn Khơ-me D. Lào Xạng

Câu 12: Nước Lan Xang ở Lào được thành lập vào năm nào?

- A. 1353 B. 1363 C. 1533 D. 1336

Câu 13: Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng vào thế kỉ nào?

- A. Thế kỉ XIV - XV B. Thế kỉ XVI - XVII
C. Thế kỉ XV - XVII D. Thế kỉ XV - XVI

Câu 14: Dưới thời vua nào, nước Lan Xang chia thành 7 tỉnh?

- A. Pha Ngừm B. Xu-li-nha Vông-xa
C. Khún Bo-lom D. Khia Khâm Phòng

Câu 15: Năm 1827, Chậu A Nụ phát cờ khởi nghĩa chống lại quân xâm lược nào?

- A. Quân Xiêm B. Quân Cam-pu-chia
C. Quân Mã Lai D. Quân Pháp.

Câu 16: Thế kỉ XIII, tôn giáo nào được truyền bá vào nước Lào?

- A. Phật giáo Đại thừa B. Phật giáo Tiểu thừa
C. Ấn Độ giáo D. Ki-tô giáo.

Câu 17: Công trình kiến trúc nổi tiếng của Lào là công trình nào?

- A. Ăng-co Vát B. Ăng-co Thom C. Thạt Luồng D. Bay-on

Câu 18: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia còn gọi là thời kì Ăng-co kéo dài trong bao lâu?

- A. Thế kỉ IX đến thế kỉ XII B. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIII
C. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIV D. Thế kỉ IX đến thế kỉ XV

Câu 19: Chủ nhân đầu tiên sống trên đất Lào là tộc người nào?

- A. Lào Thương B. Lào Lùm C. Người Thái D. Người Khơ-me

Câu 20: Các bộ lạc Lào tập hợp và thống nhất thành quốc gia vào thời gian nào?

- A. Năm 1350 B. Năm 1351 C. Năm 1352 D. Năm 1353

CHƯƠNG VI: TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

BÀI 10: THỜI KỲ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TÂY ÂU

Câu 1: Chế độ công xã nguyên thủy của người Giéc-man đang trong quá trình tan rã vào thời gian nào?

- A. Những năm đầu Công nguyên B. Những năm cuối Công nguyên
C. Thế kỉ II D. Thế kỉ III

Câu 2: Vì sao người Giéc-man có nhu cầu mở rộng lãnh thổ?

- A. Do kinh tế phát triển B. Do dân số tăng nhanh
C. Do hiếu chiến D. Câu A và B đúng

Câu 3: Vì sao đến giữa thế kỉ IX, các bộ lạc người Giéc-man ồ ạt xâm nhập vào đế quốc Rô-ma?

- A. Lực lượng đủ mạnh.
B. Máu hiếu chiến trào dâng.
C. Bị sự tấn công của người Hung Nô.
D. Bị sự tấn công của người Rô-ma trước đó nên muốn trả thù lại.

Câu 4: Đế quốc Rô-ma hùng cứ một thời đã bị tộc Giéc-man xâm chiếm vào năm nào?

- A. 476 B. 477
C. 746 D. 774

Câu 5: Vương quốc được thành lập đầu tiên của bộ tộc Giéc-man là Vương quốc nào?

- A. Đông Gôt B. Tây Gôt C. Văng-đan D. Phơ-răng.

Câu 6: Vương quốc Phơ-răng sau này là quốc gia của nước nào?

- A. Anh B. Đức
C. Pháp D. Tây Ban Nha

Câu 7: Khi chiếm ruộng đất của người Rô-ma, bộ tộc Giéc-man đã chia cho ai cày cấy?

- A. Các gia đình có thể cày cấy
B. Các tầng lữ
C. Các quý tộc

D. Các binh lính tham gia chiến tranh

Câu 8: Trong các Vương quốc "man tộc" của người Giéc-man, Vương quốc nào giữ vai trò quan trọng và thể hiện rõ nét nhất quá trình trong kiến hoá?

- A. Tây Gôt B. Đông Gôt
C. Văng-đan D. Phơ-răng

Câu 9: Người Phơ-răng vốn dĩ là một bộ tộc sống ở miền nào của châu Âu?

- A. Miền Nam châu Âu B. Miền Bắc châu Âu
C. Miền Tây châu Âu D. Miền Đông châu Âu

Câu 10: Thủ lĩnh của Vương quốc Phơ-răng là ai?

- A. Sac-lơ Mac-ten
B. Sac-lơ-ma-nhơ
C. Clô-vít
D. Không phải các thủ lĩnh trên.

Câu 11: Clô-vít đã sử dụng lực lượng nào để làm chỗ dựa cho bộ máy chính quyền của mình?

- A. Tầng lớp quý tộc, lãnh chúa phong kiến
B. Nông nô
C. Nô lệ
D. Không phải các lực lượng đó.

Câu 12: Clô-vít đã ban cấp ruộng đất cho bộ phận nào để làm chỗ dựa vào tinh thần?

- A. Quý tộc B. Lãnh chúa phong kiến
C. Nhà thơ Ki-tô D. Nông dân

Câu 13: Vương quốc Phơ-răng phát triển cực thịnh vào thời vua nào?

- A. Clô-vít B. Sac-lơ Mac-ten
C. Sac-lơ-ma-nhơ D. Không phải các vua trên.

Câu 14: Sau khi Sac-lơ-ma-nhơ chết, Vương quốc Phơ-răng bị phân tán thành những quốc gia nào?

- A. Anh, Pháp, Đức B. Anh, Pháp, I-ta-li-a
C. Anh, Pháp, Tây Ban Nha D. Pháp, Đức, I-ta-li-a

BÀI 11: TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

Câu 1: Xã hội phong kiến ở Tây Âu được hình thành trong khoảng thời gian nào?

- A. Thế kỉ V đến thế kỉ X B. Thế kỉ VI đến thế kỉ XI
C. Thế kỉ III TCN đến thế kỉ X D. Thế kỉ VII đến thế kỉ X

Câu 2: Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV xã hội phong kiến ở Tây Âu như thế nào?

- A. Hình thành B. Phát triển thịnh đạt
C. Suy vong D. Chuyển sang thời kì TBCN

Câu 3: Trong xã hội phong kiến Tây Âu gồm có những giai cấp cơ bản nào?

- A. Lãnh chúa và nông dân tự do B. Chủ nô và nô lệ
C. Lãnh chúa và nông nô D. Địa chủ và nông dân

Câu 4: Lãnh địa phong kiến là gì?

- A. Vùng đất rộng lớn của nông dân.
B. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa và nông nô
C. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa phong kiến và bình dân.
D. Vùng đất rộng lớn của quý tộc, tăng lữ.

Câu 5: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong các lãnh địa phong kiến là gì?

- A. Nông dân tự do B. Nông nô
C. Nô lệ D. Lãnh chúa phong kiến

Câu 6: Ngành sản xuất nào giữ vai trò quan trọng nhất trong các lãnh địa phong kiến?

- A. Nông nghiệp
- B. Thủ công nghiệp
- C. Thương nghiệp
- D. Nông nghiệp

Câu 7: Nông nô bị phụ thuộc gì vào lãnh chúa phong kiến?

- A. Phụ thuộc vào kinh tế
- B. Phụ thuộc về chính trị
- C. Phụ thuộc về thân thể
- D. Phụ thuộc vào công việc làm.

Câu 8: Dưới ách áp bức, bóc lột của lãnh chúa phong kiến, nông nô đã làm gì?

- A. Bỏ trốn vào rừng
- B. Đốt cháy kho tàng của lãnh chúa.
- C. Thường xuyên đấu tranh chống lãnh chúa bằng nhiều hình thức khác nhau.
- D. Nhẫn nhục chịu đựng.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa Giắc-cơ-ri ở Pháp diễn ra vào năm nào?

- A. 1358
- B. 1538
- C. 1359
- D. 1385

Câu 10: Khởi nghĩa Oát Tay-lơ nổ ra ở nước nào vào năm 1381.

- A. Pháp
- B. I-ta-li-a
- C. Đức
- D. Anh

Câu 11: Thời kì khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến ở châu Âu vào thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XI
- B. Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XV
- C. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVII
- D. Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XIV

Câu 12: Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến châu Âu là:

A. Hình thành muộn, phát triển nhanh, ngắn, kết thúc sớm nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản.

B. Hình thành sớm, phát triển nhanh, kết thúc sớm nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản.

C. Hình thành muộn, phát triển nhanh, kết thúc muộn.

D. Hình thành sớm, phát triển muộn, kết thúc chậm.

Câu 13: Xã hội phong kiến châu Âu phát triển trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIII
- B. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV
- C. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV
- D. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVI

Câu 14: Xã hội phong kiến châu Âu suy vong trong khoảng thời gian nào?

- A. Thế kỉ VIII - XVI
- B. Thế kỉ XIV - XVI
- C. Thế kỉ XV - XVI
- D. Thế kỉ XVI - XVII

Câu 15: Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến châu Âu là gì?

- A. Nghề nông trồng lúa nước.
- B. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn.
- C. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các lãnh địa phong kiến.
- D. Nghề nông trồng lúa và chăn nuôi gia súc.

Câu 16: Ở châu Âu từ thế kỉ XV, khi các quốc gia phong kiến thống nhất, quyền hành tập trung vào bộ phận nào?

- A. Tập trung vào tay quý tộc
- B. Tập trung vào tay các lãnh chúa.

C. Tập trung vào tay vua

D. Tập trung vào tay bộ máy quan lại thống

Câu 17: Giữ độc quyền sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ quyền lợi cho thợ thủ công cùng ngành và đấu tranh chống lại sự áp bức, sách nhiễu của lãnh chúa phong kiến địa phương. Đó là mục đích của:

A. Thương hội

B. Phường hội

C. Các xưởng thủ công

D. Các công trường thủ công.

Câu 18: Để bảo vệ lợi ích cho mình, các thương nhân đã thành lập tổ chức gì trong thành thị thời trung đại?

A. Thương hội

B. Phường hội.

C. Hội bảo vệ thương nhân

D. Hội bảo vệ thợ thủ công.

Câu 19: Sự ra đời và ngày càng lớn mạnh của các hội chợ ở châu Âu trung đại nhằm mục đích gì?

A. Bảo vệ thương hội

B. Thúc đẩy hoạt động thương mại.

C. Thúc đẩy thủ công nghiệp phát triển

D. Chống lại các thế lực phong kiến

Câu 20: Hội chợ Săm-pa-nơ của nước Pháp đã từng vang bóng một thời, đến thế kỉ nào bị sụp đổ?

A. Thế kỉ XIII

B. Thế kỉ XIV

C. Thế kỉ XV

D. Thế kỉ XIV

Câu 21: Thương đoàn xuất hiện thay thế cho hội chợ, thương đoàn là gì?

A. Là một liên minh kinh tế của các thành thị.

B. Là một liên minh thương mại của các thành thị.

C. Là một liên minh văn hóa của các thành thị .

D. Là một liên minh chính trị của các thành thị.

Câu 22: Từ thế kỉ XIV, ở châu Âu việc buôn bán ở miền nào có ý nghĩa quan trọng nhất?

A. Đông Âu.

B. Nam Âu

C. Bắc Âu

D. Tây Âu

Câu 23: Sự phá sản của các thành thị ở nước nào làm cho các thương đoàn sụp đổ?

A. Pháp

B. Đức

C. Tây Ban Nha

D. Đan Mạch

Câu 24: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng.

"Từ thế kỉ XVI, việc buôn bán của thương đoàn hầu như không có gì nữa, thậm chí còn bị người gạt ra khỏi thị trường vùng biển Ban Tích".

A. Đức

B. Bỉ

C. Đan Mạch

D. Hà Lan

Câu 25: Trong chế độ phong kiến lãnh địa, giai cấp phong kiến thống trị lấy tôn giáo nào làm hệ tư tưởng chính thống của mình?

A. Đạo giáo

B. Ki-tô giáo

C. Nho giáo

D. Phật giáo

Câu 26: Việc tìm kiếm con đường giao lưu buôn bán giữa Châu Âu và Phương Đông được đặc ra vô cùng bức thiết từ thời gian nào?

A. Thế kỉ XIV

B. Thế kỉ XV

C. Thế kỉ XVI

D. Thế kỉ XVII

Câu 27: Điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng: "Vào thế kỉ XV, con đường buôn bán trực tiếp giữa Châu Âu và phương Đông qua Tây á và Địa Trung Hải bị... chiếm độc quyền".

A. Tây Ban Nha

B. Ả-rập

C. Bồ Đào Nha

D. Thổ Nhĩ Kỳ

Câu 28: Cuộc phát triển địa lý vào thế kỷ XV được thực hiện bằng con đường nào?

A. Đường bộ

B. Đường biển

C. Đường hàng không

C. Đường sông

Câu 29: Lĩnh vực nào thực hiện sự tiến bộ của khoa học - Kỹ thuật vào thế kỉ XV ở các nước Châu Âu?

- A. Sự hiểu biết về địa lí, về đại dương
- B. Sự hiểu biết về địa lí của các đại dương, về sử dụng la bàn
- C. Hiểu biết về thiên văn và lịch học
- D. Sự hiểu biết về dự báo thời tiết.

Câu 30: Vào năm 1415, nhiều đoàn thuyền thám hiểm người Bồ Đào Nha đi dọc theo bờ biển Châu lục nào?

- A. Châu á
- B. Châu Âu
- C. Châu Đại Dương
- C. Châu Phi

Câu 31: Sau gần một năm thực hiện cuộc hành trình vòng qua châu Phi đến Ca-li-cút (Ấn Độ). Khi trở về Li - xbon, Va - xcô đơ Ga - ma được nhân dân phong chức gì?

- A. Phó vương ấn Độ
- B. Phó vương Bồ Đào Nha
- C. Phó vương Tây Ban Nha
- D. Phó vương I - ta - li - a

Câu 32: Ai là người phát hiện ra châu Mỹ mà đến chết vẫn lầm tưởng đó là Ấn Độ?

- A. Va - xcô đơ Ga - ma
- B. A - me - ri - ca.
- C. C. Cô - lôm - bô
- D. Ma - giên - lan

Câu 33: Ph. Ma - giên - lan là người nước nào?

- A. Bồ Đào Nha
- B. Tây Ban Nha
- C. Italia
- D. Hà Lan

Câu 34: Đoàn thuyền của Ma - giên - lan đã vượt qua nơi nào mà sau này gọi là eo Ma - giên - lan?

- A. Cực Nam Châu Phi
- B. Cực Nam Châu Mỹ
- D. Cực Nam Châu Âu
- D. Ca - li - cút ấn Độ

Câu 35: Trong cuộc hành trình của mình, Ma - giên - lan mất tại đâu?

- A. ấn Độ
- B. Tây Ban Nha
- C. Phi-lip-pin
- D. In đô nê xia

Câu 36: Ai là người thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển vào năm 1519?

- A. C. Cô-lôm - bô
- B. Va - xcô đơ Ga - Ma
- C. Ph. Ma - giên - lan
- D. B. Đi - a - xơ

Câu 37: Phát kiến địa lí được coi như một "Cuộc cách mạng thực sự" trong lĩnh vực nào?

- A. Địa lý
- B. Khoa học hàng hải
- C. Giao thông đường biển
- C. Giao thông và tri thức

Câu 38: Cuộc phát kiến địa lí của các thương nhân Châu Âu chủ yếu hướng về đâu?

- A. ấn Độ và các nước phương Đông
- B. Trung Quốc và các nước Phương Đông
- C. Nhật Bản và các nước Phương Đông
- D. ấn Độ và các nước Phương Tây

Câu 39: Cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở Châu Âu?

- A. Tầng lữ, quý tộc,
- B. Công nhân, quý tộc
- C. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc
- D. Thương nhân, quý tộc

Câu 40: Sau cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV, người nông nô như thế nào?

- A. Được hưởng thành quả do phát kiến mang lại
- B. Được ấm no vì của cải xã hội ngày càng nhiều
- C. Bị thất nghiệp và phải làm thuê cho tư sản
- D. Bị trở thành những người nô lệ

Câu 41: Chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Các thành thị trung đại
- B. Thu vàng bạc, hương liệu từ ấn Độ và phương Đông
- C. Sự phá sản của chế độ phong kiến
- D. Vốn và công nhân làm thuê

Câu 42: Phong trào "Rào đất cướp ruộng", đuổi nông dân ra khỏi mảnh ruộng, thửa vườn yêu quý của mình diễn ra sớm nhất ở nước nào?

- A. Ở Anh B. Pháp C. Tây Ban Nha D. Bồ Đào Nha

Câu 43: Đội ngũ công nhân làm thuê xuất thân chủ yếu từ giai cấp nào?

- A. Thợ thủ công bị tước đoạt tư liệu sản xuất
B. Nông dân bị tước ruộng đất
C. Chủ xưởng bị phá sản
D. Thương nhân bị sập tiệm

Câu 44: Quan hệ sản xuất phong kiến ở Tây Âu bắt đầu tan rã vào thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ XV B. Từ thế kỉ XVI C. Từ thế kỉ XVII D. Từ thế kỉ XIII.

Câu 45: Thế nào là văn hoá phục Hưng

- A. Khôi phục lại toàn bộ nền văn hoá cổ đại
B. Phục hưng tinh thần của nền văn hoá Hi Lạp - Rô ma và sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.
C. Phục hưng lại nền văn hoá phong kiến thời trung đại
D. Khôi phục lại những gì đã mất của văn hoá.

Câu 46: Bằng những tác phẩm của mình, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án:

- A. Chế độ phong kiến B. Văn hoá đồi trụy
C. Giáo hội Thiên chúa C. Vua quang thời phong kiến.

Câu 47: Văn hoá phục Hưng đã đề cao vấn đề gì?

- A. Đề cao khoa học xã hội - nhân văn
B. Đề cao tôn giáo
C. Đề cao tự do cá nhân
D. Đề cao giá trị con người và khoa học tự nhiên

Câu 48: Điều kiện nào đóng vai trò chủ yếu dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hoá phục Hưng?

- A. Sự xuất hiện quan hệ tư bản chủ nghĩa
B. Sự ra đời của giai cấp tư sản
C. Sự lớn mạnh của thành thị
D. Nhiều phát minh khoa học - kỹ thuật

Câu 49: Văn hoá phục hưng phát triển rực rỡ nhất ở các nước Tây Âu vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ XV - XVI B. Thế kỉ XVI
C. Thế kỉ XVII D. Thế kỉ XVIII

Câu 50: Phong trào văn hoá phục hưng đã đạt được những thành tựu rực rỡ về, mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực nào?

- A. Phát minh về khoa học tự nhiên B. Các công trình kiến trúc
C. Văn học nghệ thuật D. Triết học và lịch sử

Câu 51: Văn hoá phục Hưng đề cao giá trị con người. Đó là con người nào?

- A. Con người trong xã hội nói chung B. Con người của giai cấp tư sản
C. Con người lao động khổ D. Con người nô lệ và nông dân

Câu 52: Giai cấp tư sản đang lên ở Châu Âu đã chống lại hệ tư tưởng của đạo nào?

- A. Đạo hồi B. Giáo lí Ki-tô
C. Đạo phật D. Ấn Độ giáo

Câu 43: Phong trào Văn hoá phục Hưng diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Thế kỉ XIV - XVII B. Giữa thế kỉ XIV - XVII
C. Cuối thế kỉ XIV - XVII D. Đầu thế kỉ XVII - XVIII

Câu 54: Quê hương của phong trào Văn hoá phục Hưng là nước nào?

- A. Nước Pháp B. Nước Bỉ C. Nước Italia D. Nước Hà Lan

Câu 55: Trong thời phục Hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài mà người ta gọi là:

- A. "Những con người vĩ đại"
- B. "Những con người thông minh"
- C. "Những con người xuất chúng"
- D. "Những con người không lồ"

BÀI 12: ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI **THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ VÀ TRUNG ĐẠI**

Câu 1: Biết tạo ra lửa và sử dụng lửa, đó là phát minh của:

- A. Người vượn cổ
- B. Người tối cổ
- C. Người tinh khôn
- D. Người tối cổ và người tinh khôn

Câu 2: Khoảng 6000 năm trước đây, ta bắt đầu thấy nông dân cấy bừa trên ruộng ven sông nào?

- A. Sông Nin và Lưỡng Hà
- B. Sông Hằng và sông ần
- C. Sông Hoàng Hà
- D. Sông Hồng

Câu 3: Xã hội có giai cấp đầu tiên ở đâu?

- A. Sông Nin và Lưỡng Hà
- B. Sông Hằng và sông ần
- C. Sông Hoàng Hà
- D. Sông Hồng

Câu 4: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội phương Đông là tầng lớp gì?

- A. Nô lệ
- B. Nông nô
- C. Nông dân tự canh
- D. Nông dân công xã

Câu 5: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội chiếm nô ở phương Tây là tầng lớp nào?

- A. Thợ thủ công
- B. Công nhân
- C. Nô lệ
- D. Nông nô

Câu 6: Hai giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở phương Đông là giai cấp nào?

- A. Chủ nô và nô lệ
- B. Địa chủ và nông dân tự canh
- C. Chủ nô và nông nô
- D. Địa chủ và nông dân lĩnh canh

Câu 7: Hai giai cấp trong xã hội phong kiến phương Tây là giai cấp nào?

- A. Lãnh chúa phong kiến và nông dân
- B. Lãnh chúa phong kiến và nông nô
- C. Địa chủ và nông dân
- D. Chủ nô và nô lệ

Câu 8: Chế độ phong kiến phương Đông rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng vào thời gian nào?

- A. Khoảng thế kỉ XV - XVIII
- B. Khoảng thế kỉ XVI - XVII
- C. Khoảng thế kỉ XVII - XVIII
- D. Khoảng thế kỉ XVI - XIII

PHẦN HAI **LỊCH SỬ VIỆT NAM** **TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** **CHƯƠNG I: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỶ X** **BÀI 13: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY**

Câu 1: Người ta tìm thấy một số chiếc răng người tối cổ nước ta giống với răng của người tối cổ bắc kinh ở vùng nào?

- A. Núi Đọ (Thanh Hoá) B. Dầu Giây (Đồng Nai)
C. An Lộc (Bình Phước) D. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn)

Câu 2: Người tối cổ ở Việt Nam sử dụng phương thức nào để kiếm sống

- A. Săn bắt, hái lượm B. Săn bắn, hái lượm
C. Hái lượm, săn bắn D. Trồng trọt, chăn nuôi

Câu 3: ở di tích Vi Sơn (Phú Thọ), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy di chỉ gì của người hiện đại ở Việt Nam.

- A. Răng hoá thạch
B. Xương hoá thạch
C. Công cụ bằng đá
D. Công cụ bằng đồng thau

Câu 4: Văn hoá Hoà Bình xuất hiện cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

- A. 10.000 đến 7.000 năm
B. 12.000 đến 7.000 năm
C. 11.000 đến 8.000 năm
D. Công cụ bằng đồng thau

Câu 5: Nối tiếp văn hoá Hoà Bình là văn hoá nào? Cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

- A. Văn hoá Sơn La, cách nay khoảng 7.000 đến 12.000 năm
B. Văn hoá Phú Thọ, cách nay khoảng 6.000 đến 11.000 năm
C. Văn hoá Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), cách nay khoảng 8.000 đến 11.000 năm
D. Văn hoá Bắc Sơn, cách nay khoảng 6.000 đến 10.000 năm.

Câu 6: Các di tích văn hoá Bắc Sơn được tìm thấy ở các tỉnh nào?

- A. Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hoà Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An
B. Lạng Sơn, Hà Giang, Quảng Bình
C. Hoà Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Nam
D. Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Trị

Câu 7: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Bắc Sơn là gì?

- A. Săn bắn, hái lượm B. Săn bắn, hái lượm
C. Đánh cá, chăn nuôi D. Trồng trọt, chăn nuôi

Câu 8: Điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng:

- A. Cư dân Thanh Hóa B. Cư dân Hoà Bình
C. Cư dân Vi Sơn - Phú Thọ D. Cư dân Lai Châu

Câu 9: Cách ngày nay khoảng bao lâu, trên đất nước Việt Nam, con người đã phát triển kth mài, cưa, khoan đá, làm gốm?

- A. Khoảng 10.000 đến 6.000 năm B. Khoảng 5.000 đến 6.000 năm
C. Khoảng 6.000 đến 7.000 năm D. Khoảng 4.000 đến 5.000 năm

Câu 10: Nhiều di tích văn hoá hậu kì đá mới được phát hiện ở nhiều nơi như Mai Pha, Nậm Tun, Sập Việt... Vậy, Mai Pha thuộc tỉnh nào?

- A. Lai Châu B. Sơn La C. Lạng Sơn D. Thanh Hoá

Câu 11: Di tích văn hoá hậu kì đá mới Sập Việt ở tỉnh nào ngày nay?

- A. Hoà Bình B. Lai Châu C. Sơn La D. Thanh Hoá

Câu 12: Vào cuối thời nguyên thủy, các bộ lạc định cư trên đất nước bước vào thời kì nào?

- A. Thời đồ đá mới B. Thời đồ đá cũ
C. Thời đồ đồng thau D. Thời đồ sắt

Câu 13: Cách đây khoảng 4.000 năm, cư dân nước ta đã biết sử dụng nguyên liệu gì để chế tạo công cụ?

- A. Nguyên liệu sắt B. Nguyên liệu đồng
C. Nguyên liệu tre, gỗ D. Nguyên liệu đá

Câu 14: Điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng

"Đầu thế kỉ II TCN. Các bộ lạc sống ở đã đưa kỹ thuật chế tác đá lên đỉnh cao, đồng thời sử dụng kim đồng và thuật luyện kim để chế tạo công cụ".

- A. Phùng Nguyên B. Đông Sơn
C. Sông Hồng D. Sa Huỳnh

Câu 15: Chủ nhân của nền văn hoá nào mở đầu cho sơ kì thời đại đồng thau ở Việt Nam?

- A. Hoa lộc B. Sa Huỳnh
C. Phùng Nguyên D. Đông Nai

Câu 16: Các di tích văn hoá Phùng Nguyên được phát hiện nhiều nơi thuộc vùng nào ở Việt Nam?

- A. Bắc Bộ B. Bắc Trung Bộ
C. Trung Bộ D. Nam Trung Bộ

Câu 17: Nghề lao động chủ yếu của các bộ lạc Phùng Nguyên bằng gì?

- A. Thủ công nghiệp B. Nông nghiệp lúa nước
C. Nông nghiệp nương rẫy D. Không phải các nghề trên

Câu 18: Chủ nhân của nền văn hoá nào sống ở vùng châu thổ Sông Mã?

- A. Hoa Lộc B. Sa Huỳnh
C. Phùng Nguyên D. Đồng Nai

Câu 19: Cư dân văn hoá Sa Huỳnh sử dụng phổ biến công cụ lao động bằng gì?

- A. Bằng đá B. Bằng đồng
C. Bằng sắt D. Bằng gỗ

Câu 20: Văn hoá óc Eo là văn hoá của vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ B. Nam Trung Bộ
C. Tây Nam Bộ D. Tây Nguyên

Câu 21: Các di tích văn hoá Đồng Nai thuộc vùng nào?

- A. Nam Trung bộ B. Nam Bộ
C. Đông Nam Bộ D. Tây Nam Bộ

Câu 22: Cư dân văn hoá Đồng Nai và óc Eo làm nghề gì là chủ yếu?

- A. Nông nghiệp lúa nước
B. Nông nghiệp lúa nước và cây lương thực khác
C. Khai thác sản vật rừng
D. Săn bắn, hái lượm

BÀI 14: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM **NƯỚC VĂN LANG - ÂU LẠC**

Câu 1: Quốc gia đầu tiên của người Việt Nam được hình thành trên cơ sở nền văn hoá nào?

- A. Văn hoá Đông Sơn B. Văn hoá Phùng Nguyên
C. Văn hoá Đông Đậu D. Văn hoá Gò Mun

Câu 2: Nền văn minh đầu tiên của nước ta gọi là gì?

- A. Văn minh Đại Việt B. Văn minh Văn Lang
C. Văn minh sông Hồng D. Văn minh Âu lạc

Câu 3: Hiện vật tiêu biểu cho tài năng và kỹ thuật tinh xảo của nghề đúc đồng của người Việt xưa là gì?

- A. Các loại vũ khí bằng đồng B. Công cụ sản xuất bằng đồng
C. Tháp đồng D. Trống đồng

- Câu 4:** Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc hơn dưới thời văn hoá nào?
 A. Phùng Nguyên B. Đông Sơn
 C. Hoa Lộc D. Sa Huỳnh
- Câu 5:** Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai?
 A. An Dương Vương B. Thục Phán
 C. Vua Hùng D. Lạc Tướng
- Câu 6:** Quốc gia Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào
 A. Khoảng thế kỉ VII TCN B. Khoảng thế kỉ VI TCN
 C. Khoảng thế kỉ VIII TCN D. Khoảng thế kỉ V TCN
- Câu 7:** Lí do dẫn đến sự ra đời của Nhà nước đầu tiên ở nước ta?
 A. Do nhu cầu liên kết chống ngoại xâm
 B. Do nhu cầu về thuỷ lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp
 C. Do nhu cầu phân hoá xã hội sâu sắc
 D. Do nhu cầu về thuỷ lợi, quản lí xã hội và liên kết chống ngoại xâm
- Câu 8:** Nhà nước Văn Lang dưới thời vua Hùng, đất nước ta chia làm bao nhiêu bộ?
 A. 12 bộ B. 15 bộ C. 16 bộ D. 14 bộ
- Câu 9:** Nhà nước Văn Lang, chia cả nước làm 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là ai?
 A. Lạc hầu B. Lạc tướng
 C. Bô Chính D. Quan Lang
- Câu 10:** Vua Hùng Vương đặt các quan chức, trong đó Tướng văn gọi là gì?
 A. Lạc hầu B. Lạc tướng
 C. Bô Chính D. Quan Lang
- Câu 11:** Con trai của Vua Hùng Vương gọi là gì?
 A. Thái Tử B. Quan Lang
 C. Thiên Tử D. Lạc tướng
- Câu 12:** Nước Văn Lang tồn tại trong khoảng thời gian nào?
 A. Khoảng thế kỉ V đến thế kỉ III TCN
 B. Khoảng thế kỉ V đến thế kỉ IV TCN
 C. Khoảng thế kỉ VII đến thế kỉ TCN
 D. Khoảng thế kỉ VI đến thế kỉ IV TCN
- Câu 13:** Thời kì nào của Trung Quốc đem quân đánh nước Văn Lang?
 A. Nhà Hán B. Nhà Tần
 C. Nhà Hạ D. Nhà Chu
- Câu 14:** Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tần vào thế kỉ thứ III TCN?
 A. Thục Phán B. Hùng Vương
 C. Hai Bà Trưng D. Bà Triệu
- Câu 15:** Người dựng nên nước Âu lạc là ai? Đóng đô ở đâu?
 A. Hùng vương đóng đô ở Bạch Hạc
 B. Thục Phán (An Dương Vương), đóng đô ở Cổ Loa
 C. Lang Liêu, đóng đô ở Thăng Long
 D. An Tiêm, đóng đô ở Cổ Loa
- Câu 16:** Trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc có ba tầng lớp đó là những tầng lớp nào?
 A. Vua quan quý tộc, nô tì và dân tự do
 B. Vua, quý tộc và bình dân
 C. Vua quan, nông dân và nô tì
 D. Vua, quan lại và nông dân
- Câu 17:** Tín ngưỡng chủ yếu và phổ biến của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là gì?

- A. Thờ cúng tổ tiên B. Sùng bái tự nhiên
C. Thờ thần Mặt trời D. Thờ thần Núi

Câu 18: Nét đặc sắc về văn hoá của cư dân Việt cổ là gì?

- A. Thờ cúng tổ tiên
B. Thờ các vị thần thiên nhiên
C. Thờ cúng, sùng kính những người có công với nước
D. Tổ chức cưới xin, ma chay

Câu 19: Sự ra đời của Nhà nước nào đã mở ra thời đại dựng nước và giữ nước

- A. Văn Lang B. Văn Lang - Âu lạc
C. Lạc Việt D. Âu Lạc

BÀI 15, 16: THỜI BẮC THUỘC VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC

Câu 1: Năm 179 TCN, nước ta bị triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc xâm chiếm?

- A. Nhà Hán B. Nhà Triệu
C. Nhà Ngô D. Nhà Tống

Câu 2: Những chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X nhằm thực hiện âm mưu gì?

- A. Sát nhập nước ta vào lãnh thổ của chúng
B. Biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của chúng
C. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của chúng
D. Biến nước ta thành căn cứ quân sự để xâm lược các nước khác

Câu 3: Nhà Triệu chia nước Âu Lạc thành hai quận và sát nhập vào quốc gia nào?

- A. Trung Quốc B. Văn Lang
C. Nam Việt D. An Nam

Câu 4: Sau khi lật đổ chính quyền của Hai Bà Trưng, chính quyền phương Bắc cử quan lại cai trị tới cấp nào?

- A. Cấp tỉnh B. Cấp huyện
C. Cấp xã D. Cấp thôn

Câu 5: Nhà Hán chia nước ta thành mấy quận để sát nhập vào bộ Giao chỉ?

- A. Ba quận B. Hai quận
C. Bốn quận D. Nhiều quận

Câu 7: Các triều đại phong kiến phương bắc đã truyền bá tôn giáo nào vào nước ta.

- A. Phật giáo B. Đạo giáo
C. Thiên chúa giáo D. Nho giáo

Câu 8: Dưới thời Bắc thuộc, Nho giáo ảnh hưởng như thế nào đối với nước ta?

- A. Trở thành quốc giáo
B. Trở thành tư tưởng thống trị cả nước
C. Chỉ ảnh hưởng đến một số vùng trung tâm châu, quận
D. Không hề ảnh hưởng gì cả

Câu 9: Đầu thời Bắc thuộc, triều đại nào phải chở thóc gạo đến Giao Chỉ để nuôi quân và bọn quan lại đô hộ?

- A. Triều Đông Hán B. Triều Tây Hán
C. Triều Nam Hán D. Triều Tây Tấn

Câu 10: Trong thời Bắc thuộc, nhân dân ta biết tiếp nhận những yếu tố tích cực của nền văn hoá Trung Hoa thời nào?

- A. Thời nhà Triệu B. Thời Nhà Hán
C. Thời Nhà Hán - Đường D. Thời nhà Tống - Đường

Câu 11: ở nước ta thời Bắc thuộc, vùng nào là nơi xuất phát các cuộc đấu tranh chống lại các triều đại phương Bắc để giành độc lập dân tộc?

- A. Thành thị B. Rừng núi
C. Làng xóm ở nông thôn D. Cả nông thôn và thành thị

Câu 12: Vì sao nhân dân ta không ngừng vùng lên đấu tranh chống chế độ phong kiến Bắc thuộc?

- A. Vì căm thù sâu sắc chế độ cai trị tàn bạo của kẻ thù
B. Vì bị bóc lột theo kiểu địa tô phong kiến
C. Vì bị mất ruộng đất quá nhiều
D. Vì đời sống gặp nhiều khó khăn

Câu 13: Trải qua năm thế kỉ bị phong kiến phương Bắc đô hộ, nhân dân ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam đã vùng lên đấu tranh để giành độc lập, tự chủ, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Hai bà Trưng
B. Khởi Bà Triệu
C. Khởi nghĩa hai Bà Trưng và Bà Triệu
D. Khởi nghĩa Ngô Quyền

Câu 14: Năm 111 TCN, nước Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của nhà nào ở Trung Quốc?

- A. Nhà Triệu B. Nhà Hán
C. Nhà Lương D. Nhà Ngô

Câu 15: Ai là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Hán vào năm 40?

- A. Triệu Thị Trinh B. An Dương Vương
C. Lý Thường Kiệt D. Trưng Trắc - Trưng Nhị

Câu 16: Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh bại quân xâm lược nào?

- A. Quân nhà Hán B. Quân nhà Tùy
C. Quân nhà Ngô D. Quân nhà Lương

Câu 17: Mùa xuân năm 40, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng bùng nổ ở đâu?

- A. Mê Linh (Vĩnh Phúc) B. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)
C. Hát Môn (Phú Thọ, Hà Tây) D. Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh)

Câu 18: Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí nổ ra vào mùa xuân năm 542 chống lại quân xâm lược dưới thời nhà nào của Trung Quốc?

- A. Nhà Hán B. Nhà Ngô C. Nhà Lương D. Nhà Triệu

Câu 19: Lý Bí lên làm vua vào năm nào?

- A. Năm 542 B. Năm 544 C. Năm 545 D. Năm 546

Câu 20: Sau khi lên làm vua, Lý Bí đặt quốc hiệu nước ra là gì?

- A. Đại Việt B. Nam Việt C. Vạn Xuân D. Đại Cồ Việt

Câu 21: Người kế tục Lý Nam Đế lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược vào năm 454 là ai?

- A. Lý Tự Tiên B. Lý Phật Tử C. Lý Thiên Bảo D. Triệu Quang Phục

Câu 22: Năm 687 diễn ra cuộc khởi nghĩa nào chống lại nhà Đường xâm lược nước ta?

- A. Khởi nghĩa Lý Bí
B. Khởi nghĩa Lý Tự Tiên, Đinh Kiến
C. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan
D. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Câu 23: Sau khi đánh bại xâm lược nhà Lương (550), triệu Quang Phục lên làm vua, lấy hiệu là gì?

- A. Triệu Việt Vương B. Triệu Nam Vương
C. Dạ Trạch Vương D. Nam Việt Vương

Câu 24: Ai là người họ hàng với Lý Nam Đế nổi lên chống lại Triệu Việt Vương từ năm 555 đến năm 571?

- A. Lý Thiên Bảo B. Lý Tự Tiên
C. Lý Phật Tử D. Lý Phật Mã

Câu 25: Năm 603, đất nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà nào ở Trung Quốc?

- A. Nhà Đường B. Nhà Tùy
C. Nhà Minh D. Nhà Thanh

Câu 26: Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại quân, xâm lược nhà Đường vào năm 687 là ai?

- A. Phùng Hưng B. Lý Tự Tiên, Đinh Kiến
C. Mai Thúc Loan D. Dương Thanh

Câu 27: Trong số các lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Đường, ai là người được nhân dân ta suy tôn danh hiệu "Bố Cái Đại Vương"?

- A. Lý Tự Tiên B. Đinh Kiến
C. Mai Thúc Loan D. Phùng Hưng

Câu 28: Năm 907, khúc thừa dụ qua đời, ai là người lên thay để cai quản đất nước?

- A. Khúc Hạo B. Khúc Thừa Mỹ
C. Dương Đình Nghệ D. Đinh Công Trứ

Câu 29: Sau khi quân xâm lược nhà Đường bị thất bại, triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc mang quân xâm lược nước ta.

- A. Nhà Tây Hán B. Nhà Đông Hán
C. Nhà Nam Hán D. Nhà Tống

Câu 30: Lợi dụng cơ hội nào mà quân Nam Hán kéo vào xâm lược nước ta lần thứ hai?

- A. Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết chết
B. Nội bộ triều đình nhà Ngô bị rối loạn
C. Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ
D. Kiều Công Tiễn cho người sang cầu cứu Nam Hán.

Câu 31: Tướng nào của Nam Hán bị Ngô Quyền bắt sống trên sông Bạch Đằng

- A. Thoát Hoan B. Ô Mã Nhi
C. Hoảng Tháo D. Ngột Lương Hợp Thai

CHƯƠNG II: VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

BÀI 17: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN(TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XV)

Câu 1: Năm 944, Ngô Quyền mất, ai là người chiếm ngôi vua?

- A. Đinh Bộ Lĩnh B. Dương Tam Kha
C. Ngô Xương Ngập D. Ngô Xương Văn

Câu 2: Triều Ngô trong lịch sử nước ta được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. năm 931 - 933 B. Năm 938 - 944
C. Năm 939 - 965 D. Năm 939 - 968

Câu 3: "Loạn 12 sứ quân" diễn ra trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Cuối thời Ngô B. Đầu thời Ngô
C. Cuối thời Đinh D. Đầu thời Đinh

Câu 4: Ai là người có công dẹp "Loạn 12 sứ quân" thống nhất đất nước vào năm 976?

- A. Đinh Bộ Lĩnh B. Đinh Công Trứ
C. Đinh Điền D. Ngô Xương Ngập

Câu 5: Dưới thời của Đinh Bộ Lĩnh, đất nước ta đến năm nào được bình yên trở lại?

- A. Đầu năm 967 B. Đầu năm 965
C. Cuối năm 965 D. Cuối năm 967

Câu 6: Điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng: "Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, Đinh Bộ Lĩnh liên kết với sứ quân của ..., chiêu dụ được sứ quân Phạm Bạch Hổ tiến đánh các sứ quân khác".

- A. Đỗ Cảnh Thạc B. Trần Lãm
C. Ngô Xương Xí D. Kiều Công Hãn

Câu 7: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt tên nước là gì?

- A. Năm 967. Đặt tên nước là Đại Cổ Việt.
B. Năm 968. Đặt tên nước là Đại Việt
C. Năm 968. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt
D. Năm 969. Đặt tên nước là Đại Việt

Câu 8: Dưới thời nhà Đinh, kinh đô nước ta đóng ở đâu?

- A. Đại la B. Hoa Lư
C. Cổ Loa D. Thăng long

Câu 9: Trong lịch sử nước ta nối tiếp sự nghiệp của nhà Đinh là triều Đại phong kiến nào?

- A. Nhà Lý B. Nhà Trần
C. Nhà Tiền Lê D. Nhà Hậu Lê

Câu 10: Nhà Tiền Lê được thành lập trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

- A. Đất nước thanh bình
B. Thế lực phong kiến phương Bắc ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta
C. Đang bị quân nhà Tống xâm lược
D. Nội bộ triều đình hỗn loạn

Câu 11: Nhà Tiền Lê được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Năm 980 - 1009 B. Năm 981 - 1010
C. Năm 980 - 1008 D. Năm 979 - 1009

Câu 12: Vị vua đầu tiên của Nhà Tiền Lê là ai?

- A. Lê Đại Hành B. Lê Thái Tổ
C. Lê Thánh Tông D. Lê Nhân Tông

Câu 13: Năm 1009, vua cuối cùng của nhà Tiền Lê là Lê Long Đĩnh qua đời ai là người được suy tôn lên làm vua lập ra nhà Lý?

- A. Lý Phật Mã B. Lý Công Uẩn
C. Lý Thường Kiệt D. Lý Nhật Tôn

Câu 14: Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi lại tên nước thành:

- A. Đại Nam B. Đại Việt
C. Việt Nam D. Nam Việt

Câu 15: Vị vua cuối cùng của nhà Lý là ai?

- A. Lý Cao Tông B. Lý Chiêu Hoàng
C. Lý Huệ Tông D. Lý Trần Quán

Câu 16: Vua đầu tiên của nhà Trần là ai?

- A. Trần Thái Tông (Trần Cảnh)
B. Trần Thánh Tông (Trần Hoảng)
C. Trần Nhân Tông (Trần Khâm)
D. Trần Anh Tông (Trần Thuyên)

Câu 17: Đất nước được chia thành nhiều lộ, phủ huyện, châu, hương. Đó là bộ máy hành chính nhà nước dưới thời nào?

- A. Nhà Lý B. Nhà Tiền Lê
C. Nhà Trần D. Nhà Đinh

Câu 18: Thời Lý - Trần - Hồ quan hệ nước ta với phương Bắc như thế nào?

- A. Giữ thái độ vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn để giữ biên cương
- B. Giữ lệ thần phục, nộp phú cống đều đặn.
- C. Giữ lệ thần phục, nộp phú cống đều đặn, nhưng luôn giữ vững tư thế của một dân tộc độc lập.
- D. Hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

BÀI 18: CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CÁC THẾ KỶ X-XV

Câu 1: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng "Từ thời....., nhà nước và nhân dân đã chăm lo khai phá đất hoang, mở rộng đất đai canh tác, phát triển nông nghiệp.

- A. Đinh- Tiền Lê
- B. Lý
- C. Trần
- D. Lý - Trần

Câu 2: Dưới thời Lý - Trần, Nhà nước bước đầu lấy một số ruộng thường và cấp cho đối tượng nào?

- A. Thường cho những người có công và cấp cho hộ nông dân nghèo
- B. Thường cho quý tộc và cấp cho dòng tộc
- C. Thường cho những người có công và cấp cho các chùa chiền
- D. Thường cho quân đội và cấp cho làng xã.

Câu 3: Nhà Trần huy động nhân dân cả nước đắp đê dọc hai bờ các con sông lớn vào năm nào?

- A. 1225
- B. 1252
- C. 1247
- D. 1248

Câu 4: Dưới thời nhà Trần đã đặt thêm chức gì để trông coi, đốc thúc việc sửa và đắp đê.

- A. Đồn điền sứ
- B. Hà đê sứ
- C. Đắp đê sứ
- D. Khuyến nông sứ

Câu 5: Dưới thời nào đã thành lập các xưởng thủ công gọi là hai cục Bách tác?

- A. Thời Đinh - Tiền Lê
- B. Thời Lý
- C. Thời trần
- D. Thời Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần

Câu 6: Trên vùng biên giới Việt - Trung, từ thời nào đã hình thành các điểm trao đổi hàng hoá?

- A. Nhà Đinh - Tiền Lê
- B. Nhà Lý
- C. Nhà Trần
- D. Nhà Hồ

Câu 7: Năm 1149, nhà Lý lập trang Vân Đồn (Quảng Ninh) để làm gì?

- A. Làm vùng hải cảng trao đổi hàng hoá với nước ngoài
- B. Làm căn cứ quân sự chống ngoại xâm
- C. Làm cơ sở sản xuất các mặt hàng thủ công
- D. Làm vùng hải cảng để trao đổi hàng hoá với Ấn Độ

Câu 8: Tình hình chính trị và kinh tế của nước Đại Việt dưới thời Lý - trần như thế nào?

- A. Chính trị ổn định, kinh tế chậm phát triển
- B. Chính trị chưa ổn định, kinh tế còn khó khăn
- C. Chính trị ổn định, kinh tế phát triển
- D. Chính trị chưa ổn định nhưng kinh tế đã phát triển thịnh đạt.

BÀI 19: NHỮNG CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG NGOẠI XÂM Ở CÁC THẾ KỶ X ĐẾN XV

Câu 1: Lê Hoàn lên ngôi vua kế nghiệp thời nhà Đinh vào năm nào?

- A. 938 B. 981
C. 980 D. 918

Câu 2: Thời Tiền Lê, nước ta đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của quân nào ở Trung Quốc?

- A. Nhà Tống B. Nhà Minh
C. Nhà Nguyên D. Nhà Hán

Câu 3: Lê Hoàn chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống giành được thắng lợi ở đâu?

- A. Sông Như Nguyệt B. Sông Bạch Đằng
C. Ở Rạch Gầm - Xoài Mút D. Ở Chi Lăng - Xương Giang

Câu 4: Nhà Tống đã giải quyết những khó khăn giữa thế kỉ XI như thế nào?

- A. Đánh hai nước Liêu, Hạ
B. Đánh Cham - pa để mở rộng lãnh thổ
C. Đánh Đại Việt làm cho Liêu, Hạ Kiêng nể
D. Giải hoà với Đại Việt để đánh Liêu, Hạ

Câu 5: Ai là người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống vào những năm 1075 - 1077?

- A. Lê Hoàn B. Lý Thường Kiệt
C. Trần Hưng Đạo D. Lý Công Uẩn

Câu 6: Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, ai là người thực hiện chiến lược "Tiên phát chế nhân"?

- A. Lê Hoàn B. Trần Hưng Đạo
C. Lý Công Uẩn D. Lý Thường Kiệt

Câu 7: Nước Đại Việt dưới thời nào đã phải đương đầu với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.

- A. Thời Đinh - Tiền Lê B. Thời nhà Lý
C. Thời nhà Trần D. Thời nhà Hồ

Câu 8: Nước Đại Việt phải đương đầu với một số cuộc thử lửa chống quân Mông - Nguyên diễn ra bao nhiêu năm?

- A. 15 năm B. 20 năm
C. 25 năm D. 30 năm

Câu 9: Ai là nhà quân sự thiên tài đã cùng với các vua Trần và hàng loạt tướng lĩnh tài năng chiến đấu chống quân xâm lược Mông - Nguyên giành thắng lợi vẻ vang cho Tổ quốc.

- A. Trần Thủ Độ B. Trần Khánh Dư
C. Trần Hưng Đạo D. Trần Quang Khải

Câu 10: Đến thế kỉ XV, nước Đại Việt rơi vào ách đô hộ nghiệt ngã, tàn bạo của quân xâm lược nào?

- A. Quân xâm lược nhà Thanh B. Quân xâm lược nhà Minh
C. Quân xâm lược nhà Xiêm D. Quân xâm lược nhà Tống

Câu 11: Cuộc kháng chiến quân xâm lược Minh của nhà Hồ năm 1407 mau chóng bị thất bại. Nguyên nhân nào chủ yếu?

- A. Thế giặc quá mạnh
B. Nhà Hồ không có tướng tài
C. Nhà Hồ Không đoàn kết được nhân dân
D. Nhà Hồ có nội phản trong triều

Câu 12: Cuộc khởi nghĩa chống quân Minh do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo chính thức nổ ra vào năm nào? ở đâu?

- A. Năm 1417, núi Lam Sơn - Thanh Hoá
- B. Năm 1418, ở núi Chí Linh - Nghệ An
- C. Năm 1418, ở núi Lam Sơn - Thanh Hoá
- D. năm 1418, ở núi Lam Sơn - Hà Tĩnh

Câu 13: Khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài trong khoảng thời gian nào dưới đây?

- A. 1418 - 1427
- B. 1417 - 1427
- C. 1418 - 1429
- D. 1417 - 1428

Câu 14: Chiến thắng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ khởi nghĩa Lam Sơn là trận nào?

- A. Tốt Động - Chúc Động (1426)
- B. Chi Lăng - Xương Giang (1427)
- C. Chí Linh 91424)
- D. Diên Châu (1425)

BÀI 20: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ **TRONG CÁC THẾ KỶ X ĐẾN XV**

Câu 1: Hệ tư tưởng phong kiến và các tôn giáo lớn nào được truyền vào nước ta thời Bắc thuộc?

- A. Đạo giáo, Phật giáo, Hồi giáo
- B. Nho giáo, phật giáo, Thiên chúa giáo
- C. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo
- D. Phật giáo, Nho giáo, ấn độ giáo

Câu 2: Thời Bắc thuộc, hệ tư tưởng phong kiến nào được truyền bá vào nước ta?

- A. Nho giáo
- B. Phật giáo
- C. Đạo giáo
- D. ấn Độ giáo

Câu 3: Từ thời Bắc thuộc hai tôn giáo lớn đã được truyền bá vào nước ta, từng bước hoà nhập vào cuộc sống của nhân dân, đó là tôn giáo nào?

- A. Nho giáo và Phật giáo
- B. Phật giáo và Đạo giáo
- C. Phật giáo và Thiên chúa giáo
- D. Phật giáo và ấn Độ giáo

Câu 4: Vị vua nào dưới thời Trần khi lên làm Thái Thượng hoàng đã xuất gia đầu Phật và lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt?

- A. Trần Thái Tông
- B. Trần Thánh Tông
- C. Nhân Nhân Tông
- D. Trần Anh Tông

Câu 5: Vị vua nào cho "lập văn miếu" ở kinh đô Thăng Long "đắp tượng Khổng Tử, Chu Công, vẽ 72 vị hiền tài, bốn mùa cúng tế và cho Hoàng Thái tử đến học" vào năm 1070.

- A. Lý Thái Tổ
- B. Lý Thái Tông
- C. Lý Nhân Tông
- D. Lý Thánh Tông

Câu 6: Năm 1075, Nhà Lý tổ chức cuộc thi nổi tiếng gì?

- A. Thi Minh kinh bác học và thi Ngo tam trường
- B. Thi Hương
- C. Thi Hội
- D. Thi Đình

Câu 7: Nhà Trần đặt lệ lấy "Tam Khôi" (ba người đỗ đầu), qui định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc tử giám cho con em Quý tộc và quan chức đến học vào năm nào?

- A. 1258
- B. 1285

C. 1247

D. 1274

Câu 8: Đời nhà Trần có một danh sĩ được gọi là "Lưỡng quốc Trạng Nguyên" (trạng nguyên hai nước). Đó là ai?

- A. Lê Quý Đôn B. Chu Văn An
C. Phạm Sư Mạnh D. Mạc Đĩnh Chi

Câu 9: Ai là tác giả của hai câu thơ dưới đây?

"Tướng sĩ, quân hầu đều biết chữ

Chăn voi, thư lại cũng hay thơ"

- A. Trần Nguyên Đán B. Trần Nhân Tông
C. Trần Quang Khải D. Phạm Sư Mạnh

Câu 10: Chùa Một Cột ở Hà Nội - một di tích văn hoá - lịch sử của dân tộc ta được xây dựng dưới thời nào?

- A. Tiền Lê B. Lý
C. Trần D. Hồ

Câu 11: Vào cuối thế kỉ XIV, một khu thành lớn được xây dựng ở đâu?

- A. ở Lam Sơn (Thanh Hoá) B. ở Chí Linh (Thanh Hoá)
C. ở Thăng Long D. ở Vĩnh Lộc (Thanh Hoá)

Câu 12: Bộ "Đại Việt Sử kí" là tác phẩm của ai?

- A. Lê Văn Hưu B. Lê Hữu Trác
C. Trần Quang Khải D. Trương Hán Siêu

Câu 13: Nền văn hoá Đại Việt thời Lý - Trần thường được gọi là văn hoá gì?

- A. Văn hoá sông Hồng B. Văn hoá Đại Việt
C. Văn hoá Thăng Long D. Văn hoá Việt Nam

Câu 14: "Nước Đại Việt ta thực sự là một nước văn hiến". Câu nói đó của ai?

- A. Nguyễn Trãi B. Trần Nguyên Đán
C. Trần Quốc Tuấn D. Trần Nhân Tông

Câu 15: Vương triều Lê Sơ được thành lập sau thắng lợi của sự kiện lịch sử nào?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn
B. Kháng chiến chống Tống
C. Kháng chiến chống Mông - Nguyên
D. Không phải các sự kiện trên

Câu 16: Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? đặt tên nước là gì?

- A. Năm 1427. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt
B. Năm 1428. Đặt tên nước là Đại Ngu
C. Năm 1427. Đặt tên nước là Đại Việt
D. Năm 1428. Đặt tên nước là Đại Việt

Câu 17: Nhà nước dưới thời Lê Sơ được xây dựng mô hình của nhà nước nào trước đó?

- A. Nhà nước thời Trần, Hồ B. Nhà nước thời Lý
C. Nhà nước thời Lý - Trần D. Nhà nước thời Đinh - Tiền Lê

Câu 18: Dưới thời Lê sơ, giúp việc cho vua là ai?

- A. Thừa tướng B. Thái úy
C. Tể tướng và một số quan lại đại thần D. Sáu bộ

Câu 19: Nước Đại Việt dưới thời Lê sơ chia làm mấy đạo?

- A. Mười đạo B. 13 đạo
C. Năm đạo D. Bốn đạo

Câu 20: Dưới đạo là các tổ chức nào để cai quản đất nước?

- A. Lộ - phủ - huyện - châu - xã B. Phủ - huyện - lộ - châu - xã
C. Lộ - huyện - phủ - châu - xã D. Huyện - lộ - châu - xã - phủ

Câu 21: Vua Lê Thánh Tông cai quản đất nước trong thời gian nào?

- A. 1428 - 1497 B. 1427 - 1407
C. 1460 - 1497 D. 1460 - 1479

Câu 22: Thời Lê Thánh Tông cơ quan nào được thành lập, trực tiếp cai quản mọi việc và chịu trách nhiệm trước vua?

- A. Đại hành khiển B. Sáu bộ
C. Ngự sử D. 12 đạo thừa tuyên

Câu 23: Thời Lê Thánh Tông ở địa phương cả nước chia thành:

- A. 13 đạo B. 12 lộ C. 12 phủ D. 12 đạo thừa tuyên

Câu 24: Bộ luật mới được ban hành dưới thời nhà Lê có tên gọi là gì?

- A. Luật hình sự B. Quốc triều hình luật
C. Hình luật quốc gia D. Luật Hồng Bàng

Câu 25: Quân đội dưới thời nhà Lê được tổ chức chặt chẽ và theo chế độ:

- A. Ngụ nông ư binh B. Ngụ binh ư nông
C. Quân đội nhà nước D. ư binh hiền nông

Câu 26: Thời nhà Lê, nhà nước ban hành chính sách gì để khuyến khích phát triển nông nghiệp?

- A. Lộc điền B. Quân điền
C. Điền trang D. Thái ấp

Câu 27: Dưới thời nhà Lê, các bia đá dựng ở Văn Miếu để làm gì?

- A. Khắc tên những người đỗ Tiến sĩ
B. Khắc tên những anh hùng có công với nước
C. Khắc tên những vị vua thời Lê Sơ
D. Khắc tên những người có học hàm

CHƯƠNG III: THỜI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC

BÀI 21: NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TRONG CÁC THẾ KỶ XVI-XVIII

Câu 1: Đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVII thế sự của nước ta diễn ra như thế nào?

- A. Nội chiến nam - Bắc triều
B. Chiến tranh - Trịnh - Nguyễn
C. Nội chiến Nam - Bắc triều và chiến tranh Trịnh Nguyễn
D. Đất nước chia cắt thành nhiều cát cứ

Câu 2: Triều đình nhà Lê ngày càng bộ lộ những hạn chế, mâu thuẫn và mất hết vai trò tích cực vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ XV B. Thế kỉ XVI C. Thế kỉ XVII D. Thế kỉ XVIII

Câu 3: Tình hình đất nước những năm đầu triều Mạc như thế nào?

- A. Bất ổn định
B. Đi vào thế ổn định và phát triển
C. Vẫn chưa có dấu hiệu của sự ổn định
D. Đất nước rơi vào cảnh tương tàn

Câu 4: Giữa lúc nhà Mạc đang phải đối phó với các cuộc nổi dậy ở trong nước, ai là người đã bị xây dựng lực lượng và Tôn Lê Duy Ninh lên làm vua, lập lại triều Lê?

- A. Nguyễn Kim B. Nguyễn Hoàng
C. Trịnh Kiểm D. Nguyễn Phúc ánh

Câu 5: Ai là người đã quy tụ được đông đảo các lực lượng cự thần nhà Lê chống lại nhà Mạc?

- A. Nguyễn Hoàng B. Nguyễn Kim
C. Lê Duy Ninh D. Trịnh Kiểm

Câu 6: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng:

"Từ năm 1539 đến năm 1543, Nguyễn Kim đánh chiếm..... và xây dựng khu vực này thành vùng kiểm soát của chính quyền nhà Lê dưới danh nghĩa triều Lê Trung Hưng".

- A. Quảng Bình, Quảng Trị B. Thuận Hoá
C. Thanh Hoá, Nghệ An D. Quảng Nam

Câu 7: Năm 1545, Nguyễn Kim chết, ai là người thay thế vị trí của ông, tiếp tục cuộc chiến tranh với nhà Mạc?

- A. Nguyễn Hoàng B. Nguyễn Phúc Anh
C. Trịnh Kiểm D. Lê Duy Ninh

Câu 8: Từ năm 1527 đến năm 1592 đất nước ta diễn ra cục diện: Nam - Bắc triều. Đó là cuộc tranh giành quyền lực giữa các phe phái đối lập nào?

- A. Lê (Nam triều) - Trịnh (Bắc triều)
B. Trịnh (Nam Triều) - Mạc (Bắc triều)
C. Mạc (Nam Triều) - Mạc (Bắc triều)
D. Lê, Trịnh (Nam Triều) - Mạc (Bắc triều)

Câu 9: Cuộc nổi chiến Nam - Bắc triều kéo dài trong khoảng thời gian nào đã gây nhiều tổn thương cho dân tộc?

- A. Từ năm 1527 đến năm 1592 B. Từ năm 1545 đến năm 1592
C. Từ năm 1545 đến năm 1555 D. Từ năm 1559 đến năm 1677

Câu 10: Năm 1592, quân Nam triều tấn công vào đâu giành thắng lợi quyết định làm cho cục diện chiến tranh Nam - Bắc triều về cơ bản chấm dứt?

- A. vào Cao Bằng B. Vào Lạng Sơn
C. Vào Thăng Long D. Vào Thanh Hoá

Câu 11: Khi cục diện Nam - Bắc triều về cơ bản chấm dứt, lực lượng còn lại của nhà Mạc rút về cố thủ ở đâu?

- A. Lạng Sơn B. Cao Bằng C. Thái Nguyên D. Tuyên Quang

Câu 12: Triều Mạc kết thúc vai trò cai trị đất nước ta vào thời gian nào?

- A. 1592 B. 1545 C. 1667 D. 1677

Câu 13: ở Nam Triều ai là người thu tóm mọi quyền hành trong tay mình và loại dần ảnh hưởng của họ Nguyễn?

- A. Trịnh Kiểm B. Trịnh Tùng
C. Trịnh Tráng D. Trịnh Doanh

Câu 14: Để tránh âm mưu bị ám hại của họ Trịnh, Nguyễn Hoàng đã tìm cách vào trấn thủ ở đâu?

- A. Thanh Hoá B. Quảng Nam
C. Thuận Hoá D. Thuận - Quang

Câu 15: Họ Nguyễn vừa lo phát triển kinh tế, vừa lo củng cố chính quyền thống trị Thuận Hoá nhằm mục đích gì?

- A. Sẵn sàng chống lại thế lực của họ Trịnh
B. Thoát li dần sự lệ thuộc của họ Trịnh
C. Thoát li dần sự lệ thuộc và trở thành một lực lượng đối địch với họ Trịnh
D. Củng cố thế lực của họ Nguyễn ở Nam Triều

Câu 16: Cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, cuộc chiến tương tàn trong lịch sử nước ta kéo dài gần nửa thế kỉ. Đó là khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1545 đến năm 1592 B. Từ năm 1627 đến năm 1672
C. Từ năm 1672 đến năm 1692 D. Từ năm 1592 đến năm 1672

Câu 17: Từ đầu thế kỉ XVII, sông Gianh, lũy Thầy (Quảng Bình) là giới tuyến chia đất nước thành Đàng trong và Đàng Ngoài. Cát cứ hai miền thuộc quyền cai trị của chính quyền nào?

- A. Trịnh (Đàng Ngoài) - Lê (Đàng trong)
- B. Trịnh (Đàng Trong) - Lê (Đàng Ngoài)
- C. Lê (Đàng Trong) - Nguyễn (Đàng Ngoài)
- D. Lê - Trịnh (Đàng Ngoài) - Nguyễn (Đàng Trong)

BÀI 22: TÌNH HÌNH KINH TẾ Ở CÁC THẾ KỶ XVI-XVIII

Câu 1: Đầu thế kỷ XVIII, tình hình nông nghiệp ở Đàng Trong và Đàng Ngoài như thế nào?

- A. Đàng Trong ổn định và phát triển, Đàng Ngoài điều đứng
- B. Cả hai Đàng vẫn có dấu hiệu ổn định và phát triển.
- C. Cả hai Đàng lâm vào tình trạng bất ổn định
- D. Đàng Ngoài ổn định, Đàng Trong điều đứng

Câu 2: Những năm 30 của Thế kỷ XVIII, tình hình chế độ phong kiến ở nước ta như thế nào?

- A. Bắt đầu ổn định và phát triển
- B. Bắt đầu phát triển mạnh mẽ
- C. Bắt đầu khủng hoảng từ nông nghiệp và nông thôn
- D. Đàng Ngoài khủng hoảng, Đàng trong phát triển

Câu 3: Đến thế kỷ nào chính sách ruộng đất công làm xã của thời Lê sơ về cơ bản đã bị phá sản?

- A. Thế kỷ XVI B. Thế kỷ XVII
- C. Thế kỷ XVIII D. Thế kỷ XV

Câu 4: Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho chính sách ruộng đất công làng xã thời Lê sơ bị phá sản?

- A. Do đất nước bị chia cắt thành Đàng trong và Đàng ngoài
- B. Do sự khai hoang diễn ra nhanh chóng
- C. Do sự phát triển nhanh chóng của ruộng đất tư hữu
- D. Do Nhà nước khuyến khích biến ruộng đất công thành ruộng đất tư

Câu 5: Đến đầu thế kỷ XVIII, tình hình sản xuất nông nghiệp ở Đàng ngoài như thế nào?

- A. Đang trên đà phát triển mạnh mẽ
- B. Vẫn có những dấu hiệu tương đối ổn định và phát triển
- C. Đã bị khủng hoảng và bế tắc
- D. Đang có những bước tiến vượt bậc so với các thời kỳ trước, nhờ có những cải cách

tiến bộ.

Câu 6: Chính sách ruộng đất của họ Trịnh ở Đàng ngoài nhằm phục vụ cho các giai cấp và tầng lớp nào trong xã hội?

- A. Nông dân, binh sĩ, địa chủ phong kiến
- B. Nhà nước phong kiến, địa chủ, tầng lớp quan liêu, binh sĩ
- C. Nhà nước phong kiến địa chủ, nông dân
- D. Địa chủ, nông dân, binh sĩ

Câu 7: Từ những năm 30 của thế kỷ XVIII, tình hình xã hội ở Đàng Ngoài như thế nào?

- A. Ổn định và phát triển B. Tương đối ổn định và phát triển
- C. Có dấu hiệu suy thoái D. Suy yếu và khủng hoảng

Câu 8: Vào thời gian nào Nguyễn Hoàng cho quân vượt đèo Cù Mông chiếm thêm đất của Cham-pa, lập ra phủ Phú Yên?

- A. Năm 1611 B. Năm 1653
- C. Năm 1623 D. Năm 1693

Câu 9: Đến năm 1653, ai là người mở rộng cương giới đến sông Phan Rang?

- A. Nguyễn Hoàng B. Nguyễn Phúc Tấn
C. Nguyễn Phúc Chu D. Nguyễn Hữu Cảnh

Câu 10: Điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:

"Đến năm 1693, toàn bộ phần đất còn lại của đã được sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong".

- A. Nam Bộ B. Nam Trung Bộ
C. Cham-pa D. Đông Nam Bộ.

Câu 11: Đầu thế kỷ XVII, bắt đầu có những cư dân Việt vượt biển vào đây để khai khẩn đất hoang, lập ra những làng Việt đầu tiên trên đất Mô Xoài (Bà Rịa)?

- A. Đồng Nai B. Nam Bộ
C. Bến Tre D. Vũng Tàu

Câu 12: Năm 1623, chúa Nguyễn đã thoả thuận với chính quyền nào để lập một trạm thu thuế ở Sài Gòn?

- A. Cham-pa B. Đồng Nai
C. Chân Lạp D. Trung Quốc

Câu 13: ở Đàng Trong, vùng đất nào cơ cấu tổ chức làng xóm có nhiều nét giống với Đàng Ngoài?

- A. Đồng Nai B. Hà Tiên
C. Thuận Quang D. Cà Mau

Câu 14: Thế kỷ XVII - XVIII, ở đồng bằng sông Cửu Long đã nảy sinh hiện tượng gì về ruộng đất?

- A. Tích tụ ruộng đất
B. Ruộng đất bị bỏ hoang nhiều
C. Ruộng đất vắng chủ nhiều
D. Không phải các hiện tượng trên

Câu 15: Chính quyền Lê - Trịnh và chính quyền chúa Nguyễn đều chú trọng đến các quan xưởng để làm gì?

- A. Phục vụ cho nhu cầu của nhân dân
B. Phục vụ cho nhu cầu của thợ thủ công
C. Phục vụ cho nhu cầu của quan lại
D. Phục vụ cho nhu cầu của Nhà nước

Câu 16: Ở Đàng Trong, bên cạnh những quan xưởng gần giống như Đàng Ngoài, chúa Nguyễn đặc biệt quan tâm đến các xưởng nào?

- A. Đúc tiền B. Đúc súng
C. Đóng thuyền D. Đúc Xé gỗ

Câu 17: Làng chuyên làm đồ gốm ở Thổ Hà thuộc tỉnh, thành nào?

- A. Bắc Ninh B. Bắc Giang
C. Hà Nội D. Hải Phòng

Câu 18: Làng nghề Vạn Phúc, La Khê (Hà Tây), Bưởi, Trích Sài (Hà Nội), Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân (Thừa Thiên Huế) chuyên sản xuất những mặt hàng thủ công nào?

- A. Dệt vải, lụa B. Làm đồ gốm
C. Làm nghề rèn D. Làm nghề mộc

Câu 19: Nghề trồng mía, làm đường phát triển mạnh ở vùng nào của Đàng Trong?

- A. Quảng Nam B. Quảng Ngãi
C. Bình Định D. Câu A và B đúng

Câu 20: Những mặt hàng nào chủ yếu được mua bán ở chợ làng?

- A. Sản phẩm nông nghiệp
B. Sản phẩm thủ công nghiệp

C. Sản phẩm lấy từ Trung Quốc

D. Hàng nông phẩm và hàng thủ công do người sản xuất trực tiếp bán và mua là chủ yếu.

Câu 21: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng: "Mối quan hệ buôn bán truyền thống với các nước phương Đông, đặc biệt với không những vẫn được duy trì mà còn có xu hướng phát triển hơn trước".

A. Trung Quốc và Ấn Độ

B. Nhật Bản và Ấn Độ

C. Nhật Bản, Ấn Độ

D. Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ

Câu 22: Thế kỷ XVII - XVIII, trên đất nước ta xuất hiện một lực lượng khá đông các kiều dân nào định cư lâu dài và hoạt động buôn bán là chủ yếu?

A. Trung Quốc, Nhật Bản

B. Trung Quốc, Ấn Độ

C. Nhật Bản, Ấn Độ

D. Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ

Câu 23: Thế kỷ XVII - XVIII, ở Đàng Ngoài có hai đô thị tiêu biểu nhất, đó là đô thị nào?

A. Kinh Kì, Phố Hiến

B. Thăng Long, Phố Hiến

C. Thanh Hà, Phố Hiến

D. Thăng Long, Hội An

Câu 24: Đây là nơi chính quyền Lê - Trịnh đặt dinh Hiến ti trấn Sơn Nam, nơi bốc dỡ và trung chuyển hàng hoá từ các tàu thuyền buôn ngoại quốc?

A. Thăng Long

B. Hội An

C. Kinh Kì

D. Phố Hiến

Câu 25: Đô thị tiêu biểu nhất ở Đàng Trong là đô thị nào?

A. Thanh Hà (Huế)

B. Hội An (Quảng Nam)

C. Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh)

D. Nước Mặn (Bình Định)

BÀI 23: PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CUỐI THẾ KỶ XVIII

Câu 1: Đầu thế kỷ XVIII, xã hội phong kiến Đàng Ngoài và Đàng Trong như thế nào?

A. Bước vào giai đoạn suy yếu và khủng hoảng

B. Đàng Ngoài khủng hoảng, Đàng Trong vẫn còn ổn định và phát triển

C. Đàng Trong khủng hoảng, Đàng Ngoài vẫn còn ổn định và phát triển

D. Vẫn còn ổn định và phát triển

Câu 2: Năm 1771, anh em Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

A. Tây Sơn hạ đạo

B. Tây Sơn trung đạo

C. Tây Sơn thượng đạo

D. Phú Quy Nhon

Câu 3: Từ năm 1776 đến năm 1783, quân Tây Sơn liên tục mở các cuộc tấn công vào vùng đất nào?

A. Quy Nhơn

B. Phú Yên

C. Gia Định

D. Đồng Nai

Câu 4: Khi quân Tây Sơn giải phóng hầu hết đất Đàng Trong và tiêu diệt lực lượng cát cứ của cháu Nguyễn, ai là người còn sống sót đã chạy sang cầu cứu quân Xiêm?

A. Nguyễn Kim

B. Nguyễn Hoàng

C. Lê Chiêu Thống

D. Nguyễn ánh

Câu 5: Vua Xiêm tổ chức các đạo quân thủy - bộ bao gồm 5 vạn quân đánh chiếm vùng nào của nước ta?

A. Gia Định

B. Quy Nhơn

C. Đồng Nai

D. Rạch Gầm - Xoài mút

Câu 6: Đầu tháng 1 năm 1785, Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn vượt biển vào Gia Định và đóng đại bản doanh tại đâu?

A. Tiền Giang

B. Mỹ Tho

C. Kiên Giang D. Vĩnh Long

Câu 7: Tại sao Nguyễn Huệ chọn Rạch Gầm - Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với địch?

- A. Đây là vị trí chiến lược quan trọng của địch
- B. Địa hình thuận lợi cho việc đặt phục binh
- C. Đó là một con sông lớn
- D. Hai bên bờ sông có cây cối rậm rạp

Câu 8: Ai là người cầu cứu nhà Thanh đưa 29 vạn quân vào nước ta?

- A. Nguyễn ánh B. Trịnh Kiểm
- C. Lê Chiêu Thống D. Lê Long Đĩnh

Câu 9: Hai mươi chín vạn quân Thanh do tên tướng nào chỉ huy, theo bốn đường tiến đánh nước ta?

- A. Tôn Sĩ Nghị B. Hứa Tề Hanh
- C. Sầm Nghi Đống D. Liễu Thăng

Câu 10: Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung vào năm nào?

- A. 1786 B. 1787 C. 1788 D. 1789

Câu 11: Mờ sáng ngà 5 tết Kỷ Dậu, quân Tây Sơn đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào đâu?

- A. Ngọc Hồi B. Hà Hồi
- C. Đống Đa D. Ngọc Hồi và Đống Đa

Câu 12: Phong trào Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến thối nát Nguyễn, Trịnh, Lê và đập tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh thống nhất đất nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Phong trào Tây Sơn diễn ra qua bao nhiêu năm?

- A. 15 năm B. 17 năm
- C. 19 năm D. 21 năm

Câu 13: Chiến thắng có ý nghĩa to lớn của nghĩa quân Tây Sơn vào năm 1785 là gì?

- A. Hạ thành Quy Nhơn
- B. Đập tan 29 vạn quân Thanh xâm lược
- C. Đánh bại 5 vạn quân Xiêm xâm lược ở Rạch Gầm - Xoài Mút
- D. Đánh sụp tập đoàn phong kiến họ Nguyễn ở Đàng Trong

Câu 14: Ai là người có công lớn trong việc đập tan chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài?

- A. Nguyễn Huệ B. Nguyễn Nhạc
- C. Nguyễn Lữ D. Cả ba anh em Tây Sơn

Câu 15: Những trận đánh quyết định của quân Tây Sơn quét sạch 29 vạn quân Thanh xâm lược vào mùa xuân Kỷ Dậu (1789) diễn ra theo thứ tự như thế nào?

- A. Đống Đa - Hà Nội - Ngọc Hồi
- B. Hà Hồi - Ngọc Hồi - Đống Đa
- C. Đống Đa - Ngọc Hồi - Hà Hồi
- D. Ngọc Hồi - Hà Hồi - Đống Đa

Câu 16: Tướng nào của giặc phải khiếp sợ, thất cổ tự tử sau khi thất bại ở Ngọc Hồi và Đống Đa?

- A. Sầm Nghi Đống B. Hứa Thế Thanh
- C. Tổng Sĩ Nghị D. Càn Long

Câu 17: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng: "Trong 17 năm liên tục chiến đấu, phong trào Tây Sơn đã đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của..... bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ của Tổ Quốc?"

- A. Quân Mãn Thanh B. Quân Xiêm La
- C. Quân Xiêm, Thanh D. Quân của Sầm Nghi Đống

BÀI 24: TÌNH HÌNH VĂN HOÁ Ở CÁC THẾ KỶ XVI - XVIII

Câu 1: Ở thế kỷ XVI - XVII hệ tư tưởng nào giữ vị trí độc tôn trong xã hội Việt Nam?

- A. Nho giáo B. Phật giáo
C. Đạo giáo D. Không có hệ tư tưởng nào cả

Câu 2: ở các thế kỷ XVI - XVIII, hệ tư tưởng nào vẫn giữ vị trí thống trị trong xã hội nhưng không còn vai trò độc tôn?

- A. Phật giáo B. Nho giáo
C. Đạo giáo D. Thiên Chúa giáo

Câu 3: Tôn giáo nào trước đây bị Nhà nước Lê sơ hạn chế, thậm chí cấm đoán, đến thế kỷ XVI - XVIII có điều kiện phục hồi và phát triển?

- A. Phật giáo, Đạo giáo B. Thiên Chúa giáo
C. Ấn Độ giáo, Hồi giáo D. Phật giáo, Thiên Chúa giáo

Câu 4: Đến thế kỷ nào, Thiên Chúa giáo truyền bá mạnh mẽ vào nước ta?

- A. Thế kỷ XV B. Thế kỷ XVI
C. Thế kỷ XVII D. Thế kỷ XVIII

Câu 5: Đến giữa thế kỷ XVII, cuốn sách nào viết bằng tiếng Việt, có thể coi là chữ Quốc ngữ đã ra đời?

- A. Giáo lý Thiên Chúa giáo B. Giáo lý cương mục
C. Thông giám cương yếu D. Giáo lý cương yếu

Câu 6: Vào thời gian nào chữ Quốc ngữ chính thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt Nam?

- A. Thế kỷ XVII B. Thế kỷ XVIII
C. Thế kỷ XIX D. Thế kỷ XX

Câu 7: Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm đỗ tiến sĩ trong thời kỳ nào?

- A. Nhà Lê sơ B. Nhà Lý
C. Nhà Mạc D. Nhà Hồ

Câu 8: Ai là người nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử khoa cử Nho học Việt Nam?

- A. Nguyễn Thị Duệ B. Đoàn Thị Điểm
C. Lý Chiêu Hoàng D. Bùi Thị Xuân

Câu 9: ở Đàng Trong, họ Nguyễn tuyển dụng quan lại chủ yếu thông qua hình thức nào?

- A. Thị cử B. Tiến cử
C. Dòng tộc D. Người có công với chúa Nguyễn

Câu 10: Nét nổi bật của văn học giai đoạn từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII là sự nở rộ của các tác phẩm văn thơ viết bằng chữ nào?

- A. Nôm B. Hán
C. Quốc ngữ D. Các chữ trên

Câu 11: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay ở chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) được tạc vào năm nào?

- A. 1665 B. 1655 C. 1656 D. 1657

Câu 12: Cuốn sử học "Lê triều công nghiệp thực lục" do ai viết?

- A. Hồ Sĩ Dương B. Dương Văn An
C. Ngô Sĩ Liên D. Lý Thánh Tông

Câu 13: Tác phẩm sử học nổi tiếng được Ngô Sĩ Liên khởi thảo vào thế kỷ XV và được in vào thế kỷ XVII có tên gọi là gì?

- A. Đại Việt sử ký B. Thông giám Cương mục
C. Việt điện u bi D. Đại Việt sử ký toàn thư

Câu 14: Sách "Hồ trưởng khu cơ" và công trình lý Thầy gắn liền với tên tuổi của ai?

- A. Nguyễn Bình Khiêm B. Đào Duy Từ

CHƯƠNG VI: VIỆT NAM Ở NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX
BÀI 25: TÌNH HÌNH VĂN HÓA CHÍNH TRỊ, KINH TẾ DƯỚI TRIỀU NGUYỄN
(NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX)

Câu 1: Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho phong trào Tây Sơn bị thất bại trước cuộc tấn công của Nguyễn ánh?

- A. Nội bộ Tây Sơn chia rẽ, mâu thuẫn ngày càng suy yếu
- B. Quân của Nguyễn ánh rất mạnh
- C. Nguyễn ánh được sự giúp đỡ của quân Tây Sơn
- D. Quang Trung mất, Quang Toản nổi ngôi nhưng không đủ năng lực

Câu 2: Tháng 6-1801, Nguyễn ánh tấn công vào đâu làm cho Quang Toản chống cự không nổi phải bỏ chạy ra Thăng Long?

- A. Phú Xuân (Huế)
- B. Gia Định
- C. Tam Điệp (Ninh Bình)
- D. Quảng Nam

Câu 3: Khi Nguyễn ánh đánh chiếm Thăng Long, Quang Toản chạy đến đâu thì bị bắt?

- A. Xương Giang (Bắc Giang)
- B. Tam Điệp (Ninh Bình)
- C. Sông Gianh (Quảng Bình)
- D. Biện Sơn (Thanh Hoá)

Câu 4: Nguyễn ánh chiếm được Quy Nhơn vào khoảng thời gian nào?

- A. Tháng 5-1801
- B. Tháng 6-1801
- C. Tháng 7-1801
- D. Tháng 8-1801

Câu 5: Sau khi chiếm được Quy Nhơn, Nguyễn ánh đánh chiếm vùng nào?

- A. Đà Nẵng
- B. Hội An
- C. Phú Xuân
- D. Quảng Ngãi

Câu 6: Khi bị Nguyễn ánh tấn công, Nguyễn Quang Toản chạy ra nơi nào?

- A. Quảng Bình
- B. Nghệ An
- C. Thanh Hoá
- D. Bắc Hà

Câu 7: Nguyễn ánh lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì?

- A. Năm 1801 - Niên hiệu là Gia Long
- B. Năm 1802 - Niên hiệu là Gia Long
- C. Năm 1804 - Niên hiệu là Càn Long
- D. Năm 1806 - Niên hiệu là Minh Mạng

Câu 8: Vương triều Nguyễn tồn tại trong khoảng thời gian nào? Có bao nhiêu đời vua?

- A. Từ 1801 đến 1945. Có 13 đời vua
- B. Từ 1802 đến 1858. Có 12 đời vua
- C. Từ 1802 đến 1885. Có 13 đời vua
- D. Từ 1802 đến 1945. Có 13 đời vua

Câu 9: Khi lên ngôi Hoàng đế, công việc đầu tiên mà Nguyễn ánh tập trung giải quyết là gì?

- A. Trả thù phong trào Tây Sơn
- B. Xây dựng cung đình nguy nga, tráng lệ
- C. Thiết lập một hệ thống cai trị từ trung ương tới các địa phương
- D. Xây dựng quân đội hùng mạnh

Câu 10: Sau vua Gia Long, đời vua nào nối tiếp triều Nguyễn?

- A. Tự Đức
- B. Minh Mạng
- C. Thiệu Trị
- D. Dục Đức

Câu 11: Dưới triều Nguyễn, địa danh nào được chọn làm kinh đô là trung tâm đầu não của cả nước?

- A. Thăng Long (Hà Nội) B. Phủ Quy Nhơn
C. Phú Xuân (Huế) D. Gia Định (Sài Gòn)

Câu 12: Trong hai năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng lần lượt bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước thành bao nhiêu tỉnh?

- A. 30 tỉnh B. 45 tỉnh
C. 56 tỉnh D. 28 tỉnh

Câu 13: Tổ chức bộ máy cai trị ở địa phương dưới thời Minh Mạng như thế nào?

- A. Tỉnh, phủ, huyện và xã
B. Tỉnh, phủ, huyện, châu, tổng và xã
C. Tỉnh, huyện, phủ, tổng và xã
D. Tỉnh, phủ, huyện, châu và xã

Câu 14: Dưới thời nhà Nguyễn, tên gọi của bộ “ Hoàng Việt luật lệ ” là gì?

- A. Hình thư B. Hình luật
C. Luật Hồng Đức D. Hoàng Việt luật lệ

Câu 15: Nhà Nguyễn chủ trương thần phục triều đại nào ở Trung Quốc?

- A. Nhà Minh B. Nhà Tống
C. Nhà Nguyên D. Nhà Thanh

Câu 16: Năm 1803, Gia Long cử sứ bộ sang Trung Quốc để làm gì?

- A. Xin quốc hiệu và cầu an B. Xin quốc hiệu và cầu phong
C. Xin cống nạp và cầu phong D. Xin giảng hoà

Câu 17: Trong chính sách đối ngoại của mình, giai đoạn đầu, Gia Long tỏ thái độ như thế nào đối với các nước phương Tây?

- A. Ngăn cản ảnh hưởng của người phương Tây trên đất nước Việt Nam
B. Thi hành chính sách tương đối cởi mở với Pháp và đạo Thiên Chúa
C. Thi hành chính sách "đóng cửa" và đàn áp Công giáo
D. Khước từ quan hệ đối với các nước phương Tây

Câu 18: Đến thời Minh Mạng, triều Nguyễn quan hệ với các nước phương Tây như thế nào?

- A. Khước từ dần quan hệ đối với các nước phương Tây
B. Đặt quan hệ thân thiện với các nước phương Tây
C. Thực hiện chính sách "mở cửa" để quan hệ với phương Tây
D. Thi hành chính sách tương đối cởi mở đối với các nước phương Tây

Câu 19: Nguyễn ánh lập ra triều Nguyễn từ năm nào và lấy niên hiệu là gì?

- A. Năm 1802. Niên hiệu là Gia Long
B. Năm 1803. Niên hiệu là Minh Mạng
C. Năm 1804. Niên hiệu là Thiệu Trị
D. Năm 1805. Niên hiệu là Tự Đức

Câu 20: Những năm 1831-1832, nhà Nguyễn chia nước ta ra bao nhiêu tỉnh?

- A. 10 tỉnh và 1 phủ trực thuộc
B. 20 tỉnh và 1 phủ trực thuộc
C. 30 tỉnh và 1 phủ trực thuộc
D. 40 tỉnh và 1 phủ trực thuộc

Câu 21: Điểm cơ bản nhất trong chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Nguyễn là gì?

- A. Siết chặt cách thống trị đối với nhân dân. Đóng kín, bảo thủ, mù quáng
B. Đàn áp nhân dân, thuần phục nhà Thanh
C. Đàn áp nhân dân, khước từ mọi tiếp xúc với các nước phương Tây
D. Áp dụng chặt chẽ bộ luật Gia Long, xem nhà Thanh là "Thiên triều"

**BÀI 26: TÌNH HÌNH XÃ HỘI Ở NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX VÀ
PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN**

Câu 1: Vào nửa đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn ra sức phục hồi nền kinh tế trên nguyên tắc nào?

- A. Coi trọng việc phát triển công nghiệp
- B. Coi trọng việc phát triển thủ công và thương nghiệp
- C. Coi trọng quan hệ buôn bán với nước ngoài
- D. Coi trọng ruộng đất và sản xuất nông nghiệp

Câu 2: Đầu thế kỷ XIX, chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn làm cho nền kinh tế nước ta như thế nào?

- A. Ngày càng phát triển
- B. Phát triển mạnh mẽ
- C. Trì trệ và bế tắc
- D. Khủng hoảng trầm trọng

Câu 3: Khi mới lên ngôi, ai là người đã ra lệnh đo đạc lại toàn bộ ruộng đất, lập địa bạ cho từng làng ở Bắc Hà?

- A. Gia Long
- B. Minh Mạng
- C. Thiệu trị
- D. Tự Đức

Câu 4: Đời vua nào của triều Nguyễn, việc lập địa bạ các làng xã trên phạm vi toàn quốc đã được hoàn thành?

- A. Gia Long
- B. Minh Mạng
- C. Thiệu Trị
- D. Tự Đức

Câu 5: Vào năm nào Gia Long ban hành chính sách quân điền?

- A. 1802
- B. 1803
- C. 1804
- D. 1805

Câu 6: Về thực chất, chính sách quân điền của nhà Nguyễn nhằm cấp ruộng đất cho các giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội?

- A. Nông dân và nô tì
- B. Quan lại và binh lính
- C. Địa chủ và nông dân
- D. Quan lại và nhà chúa

Câu 7: Trong các biện pháp trọng nông, chính sách nào có hiệu quả hơn cả?

- A. Chính sách quân điền
- B. Chính sách đo đạc lại ruộng đất
- C. Chính sách lộc điền
- D. Chính sách khai hoang dưới hình thức doanh điền

Câu 8: Điền vào chỗ trống câu sau đây sao cho đúng

"Chỉ riêng vùng hạ lưu sông Hồng. Doanh điền sứ đã tổ chức khai khẩn, lập ra hai huyện mới là Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình)

- A. Nguyễn Công Trứ
- B. Nguyễn Công Hoan
- C. Nguyễn Công Minh
- D. Nguyễn Công Hoàng

Câu 9: Đối với sản xuất thủ công nghiệp, nhà Nguyễn có khuynh hướng tăng cường xây dựng các quan xưởng, chủ yếu tập trung ở đâu?

- A. Thăng Long (Hà Nội)
- B. Huế
- C. Quảng Nam
- D. Quy Nhơn

Câu 10: Dưới thời Nguyễn, việc quản lý chung các ngành, nghề thủ công của Nhà nước là cơ quan nào?

- A. Ti Ngân khổ chế tạo
- B. Ti Ngũ khổ chế tạo
- C. Ti Bão khổ chế tạo
- D. Ti Vũ khổ chế tạo

Câu 11: Một trong những hoạt động kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ nhà Nguyễn là gì?

- A. Khai hoang
- B. Khai khoáng
- C. Phát triển nghề thủ công
- D. Lập doanh điền

Câu 12: Đến thế kỷ nào thương nghiệp dưới thời nhà Nguyễn có chiều hướng suy thoái?

- A. Thế kỷ XVIII B. Thế kỷ XIX
C. Thế kỷ XX D. Thế kỷ XVII - XVIII

Câu 13: Sang thế kỷ XIX, thương nhân ngoại quốc đến buôn bán ở nước ta chủ yếu là những ai?

- A. Người Hoa, Xiêm, Cao Miên
B. Người Hoa, Xiêm, Lào
C. Người Hoa, Xiêm, Mã Lai
D. Người Hoa, Mã Lai

Câu 14: Sự sa sút của kinh tế thương nghiệp dưới thời nhà Nguyễn đã dẫn đến hậu quả gì?

- A. Nông nghiệp suy yếu
B. Thủ công nghiệp kém phát triển
C. Các đô thị ngày càng suy thoái
D. Thương nhân bị thất nghiệp

Câu 15: Dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ XIX đã có bao nhiêu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình?

- A. 250 cuộc khởi nghĩa B. 400 cuộc khởi nghĩa
C. 500 cuộc khởi nghĩa D. 300 cuộc khởi nghĩa

Câu 16: Từ năm 1821 đến năm 1827, nổ ra cuộc khởi nghĩa nào ở hạ lưu châu thổ sông Hồng?

- A. Phan Bá Vành B. Lê Duy Lương
C. Lê Văn Khôi D. Cao Bá Quát

Câu 17: Khởi nghĩa của Nông Văn Vân nổ ra ở đâu?

- A. Tuyên Quang, Hà Giang
B. Tuyên Quang, Cao Bằng
C. Cao Bằng, Lạng Sơn
D. Thái Nguyên, Tuyên Quang

Câu 18: Trong các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, cuộc khởi nghĩa nào kéo dài lâu nhất?

- A. Khởi nghĩa của Phan Bá Vành
B. Khởi nghĩa của Lê Văn Khôi
C. Khởi nghĩa của Ba Nhàn, Tiền Bột
D. Khởi nghĩa của Cao Bá Quát

Câu 19: Xã hội Việt Nam dưới thời Nguyễn như thế nào?

- A. Càng rối ren, phức tạp
B. ổn định và phát triển
C. Bế tắc, khủng hoảng trầm trọng
D. Có những bước phát triển vượt bậc so với các triều đại phong kiến trước đây.

BÀI 27: QUÁ TRÌNH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Câu 1: Quốc gia cổ đại đầu tiên trên đất nước ta là:

- A. Văn Lang B. Âu Lạc
C. Champa D. Phù Nam

Câu 2: Nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc còn được gọi là

- A. văn minh sông Hồng
B. văn minh sông Hồng, sông Mã, sông Cả
C. văn minh phương Đông
D. văn minh đồ đồng

Câu 3: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân Âu Lạc chống phong kiến phương Bắc là

A. Khởi nghĩa Bà Triệu B. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng D. Khởi nghĩa Lý Bí

Câu 4: Dấu mốc chấm dứt hoàn toàn thời Bắc thuộc, mở đầu thời đại độc lập tự chủ lâu dài của nước ta là

A. Năm 905 B. Năm 907

C. Năm 938 D. Năm 968

Câu 5: Bộ luật thành văn mang tính dân tộc sâu sắc của chế độ phong kiến VN là

A. Hình luật B. Hình thư

C. Hoàng Việt luật lệ D. Quốc triều hình luật

Câu 6: Nền giáo dục phong kiến VN phát triển thịnh đạt nhất vào thời

A. nhà Trần B. nhà Lý

C. nhà Lê sơ D. nhà Nguyễn

Câu 7: Người được coi là Ông tổ của ngành sử học VN là:

A. Ngô Sĩ Liên B. Lê Văn Hưu

C. Trần Quốc Tuấn D. Nguyễn Trãi

Câu 8: Nền văn minh Đại Việt chịu ảnh hưởng của nền văn hoá

A. Trung Quốc B. Ấn Độ

C. Champa D. dân gian

Câu 9: Trong thời kì đất nước bị chia cắt (đầu TK XVI đến cuối TK XVIII) tồn tại các chính quyền nào

A. vua Lê chúa Trịnh

B. vua Lê, chúa Trịnh và chúa Nguyễn

C. Nam Triều-Bắc Triều, vua Lê, chúa Trịnh và chúa Nguyễn

D. vua Lê, chúa Trịnh và chúa Nguyễn, Tây Sơn

Câu 10: Từ triều đại nào lãnh thổ VN được mở rộng và hoàn chỉnh như ngày nay

A. Lý-Trần B. Lê sơ

C. Nguyễn D. Tây Sơn

Câu 11: Từ TK X đến nửa đầu TK XIX, dân tộc ta đã bao nhiêu lần phải đương đầu với giặc ngoại xâm

A. 3 lần B. 4 lần

C. 6 lần D. 8 lần

Câu 12: Với cuộc khởi nghĩa nào nhân dân ta cơ bản giành được độc lập từ phong kiến phương Bắc

A. k/n Hai Bà Trưng B. k/n Lý Bí

C. k/n Mai Thúc Loan D. k/n Khúc Thừa Dụ

BÀI 28: TRUYỀN HỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

Câu 1: Truyền thuyết nào lý giải nguồn gốc dân tộc Việt Nam ?

A. Thánh Gióng

B. Mỵ Châu-Trọng Thủy

C. Lạc Long Quân-Âu Cơ

D. Tiên Dung-Chử Đồng Tử

Câu 2: Vị trí cầu thời Văn Lang-Âu Lạc trong lịch sử dân tộc là

A. định hình bản sắc truyền thống của dân tộc VN

B. mở đầu thời kì dựng nước, định hình bản sắc truyền thống của dân tộc Việt

C. mở đầu thời kì dựng nước, phát triển bản sắc truyền thống của dân tộc Việt

D. giữ vững bản sắc truyền thống của dân tộc Việt

Câu 3: Đánh tan quân xâm lược Tần, nhà Âu Lạc đã đánh dấu

- A. bước phát triển mới của lòng yêu nước
- B. lòng yêu nước của dân tộc ta hình thành
- C. tinh thần đoàn kết của 54 dân tộc được hình thành
- D. nhân dân ta đã bước vào thời kì độc lập lâu dài

Câu 4: Trong tâm thức của dân tộc Việt, vấn đề dân tộc thống nhất thể hiện đầu tiên và cụ thể qua sự kiện nào?

- A. Thống nhất 12 sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh
- B. Chiến tranh Nam-Bắc triều thời Lê-Mạc
- C. Sự phân chia đất nước giữa 2 họ Trịnh-Nguyễn
- D. Sự thống nhất 2 bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt thành lập nước Âu Lạc

Câu 5: Hai chữ “đồng bào” nói lên truyền thống nào của dân tộc

- A. Lao động sáng tạo
- B. Thương yêu đùm bọc lẫn nhau
- C. Yêu nước và dũng cảm
- D. Kiên cường, bất khuất

Câu 6: Ý nào không phản ánh đúng yếu tố hình thành truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam là

- A. sự nảy sinh và phát triển tình cảm yêu thương gắn bó của cư dân Văn Lang-Âu Lạc
- B. các mối quan hệ kinh tế chính trị của các quốc gia cổ trên đất nước ta
- C. cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm để giữ nước thời Âu Lạc (nhất là thời Bắc thuộc)
- D. cuộc đấu tranh chống quân Mông-Nguyên xâm lược

Câu 7: Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược trong lịch sử dân tộc là

- A. sự lãnh đạo tài giỏi của người chỉ huy
- B. tinh thần chiến đấu dũng cảm của dân tộc
- C. truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân
- D. địa hình, khí hậu nước ta bất lợi cho địch

Câu 8: Truyền thống yêu nước của dân tộc ta được thể hiện rõ nét nhất trong việc

- A. xây dựng 1 nền kinh tế tự chủ
- B. giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc
- C. kháng chiến chống ngoại xâm
- D. xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng

Câu 9: Nét nổi bật của truyền thống yêu nước VN thời phong kiến là

- A. xây dựng, phát triển 1 nền kinh tế tự chủ
- B. phát triển nền văn minh Đại Việt
- C. chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc
- D. giữ gìn những giá trị truyền thống của dân tộc: đoàn kết, thương dân...

Câu 10: Ý nào không phản ánh đúng bài học về thượng sách giữ nước của Trần Hưng Đạo

- A. “Vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục”
- B. Đoàn kết toàn dân, cả nước góp sức, vạn người như một
- C. “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc”
- D. Xây dựng nền kinh tế tự chủ

PHẦN BA: LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHƯƠNG I: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 29: CÁCH MẠNG TƯ SẢN HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH

Câu 1. Trước khi cách mạng bùng nổ, quan hệ sản xuất nào đã thâm nhập vào nông thôn Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh?

- A. Quan hệ kinh tế nông nghiệp. B. Quan hệ kinh tế công nghiệp,
C. Quan hệ kinh tế tiền tệ. D. Tất cả các quan hệ kinh tế trên.

Câu 2. Từ thế kỉ XVI, ngành sản xuất nào dưới đây được đánh giá là ngành sản xuất nổi tiếng nhất ở Anh?

- A. Sản xuất thủ công nghiệp. B. Sản xuất nông nghiệp,
C. Sản xuất len dạ. D. Sản xuất và chế biến thủy tinh.

Câu 3. Vì sao trước cách mạng, người nông dân ở Anh phải ra thành thị bán sức lao động cho tư bản hay di cư sang Tây bán cầu?

- A. Họ bị mất ruộng đất. B. Họ bị bọn địa chủ bóc lột tàn nhẫn,
C. Họ muốn tìm cuộc sống no đủ hơn. D. Tất cả các lý do trên.

Câu 4. Một số địa chủ phong kiến ở Anh chuyển sang kinh doanh theo tư bản chủ nghĩa, trở thành tầng lớp nào?

- A. Tư sản công nghiệp. B. Tư sản nông nghiệp,
C. Địa chủ mới. D. Quý tộc mới.

Câu 5. Mâu thuẫn nào mới nảy sinh ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ?

- Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc địa chủ.
- B. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới, giai cấp tư sản với chế độ quân chủ.
- C. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc mới.
- D. Mâu thuẫn giữa quý tộc địa chủ với tư sản.

Câu 6. Thời gian nào dưới đây biểu hiện cho cuộc nội chiến ở Anh bắt đầu bùng nổ?

- A. Tháng 01-1642. B. Ngày 14-6-1645.
C. Ngày 22-8-1642. D. Ngày 14-6-1642.

Câu 7. Sự chống đối giữa các thế lực nào làm bùng nổ cuộc nội chiến ở Anh thế kỉ XVII?

- A. Vua Sac-lơ I với quý tộc mới. B. Vua Sác-lơ I với Quốc hội.
C. Quý tộc mới với nông dân. D. Tư sản với địa chủ phong kiến.

Câu 8. Cách mạng tư sản Anh đạt đến đỉnh cao thời gian nào? Tương ứng với sự kiện gì?

- A. Năm 1649, tương ứng với sự kiện Sác-lơ I bị xử tử
B. Năm 1648, tương ứng với sự kiện quân đội Sác-lơ I bị Quốc hội đánh bại.
C. Năm 1658, tương ứng với sự kiện quý tộc mới và tư sản chủ trương lập lại chế độ quân chủ.
D. Năm 1689, tương ứng với sự kiện tư sản và quý tộc mới đưa Vin-hem ỏ-ran- giơ lên ngôi vua.

Câu 9. Khi nước Anh trở thành nước cộng hòa, quyền hành nằm trong tay giai cấp nào?

- A. Quý tộc mới và địa chủ phong kiến.
B. Tư sản và nông dân.
C. Quý tộc mới và tư sản.
D. Quý tộc mới, tư sản và nông dân.

Câu 10. Lực lượng chủ yếu tham gia trong cách mạng tư sản chống chế độ phong kiến ở Anh thế kỉ XVII là

- A. Công nhân và nông dân. B. Nông dân và binh lính,
C. Quý tộc mới và tư sản. D. Nông dân và quý tộc mới.

Câu 11. Chế độ độc tài quân sự ở Anh được thiết lập vào thời gian nào? Do ai đứng đầu?

- Năm 1649. Do Sác-lơ I đứng đầu.
- Năm 1660. Do Sác-lơ III đứng đầu.

C. Năm 1689. Do Vin-hem Ô-ran-giơ đứng đầu.

D. Năm 1653. Do Ô-li-vơ Crôm-oen đứng đầu.

Câu 12. Giai cấp, tầng lớp nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là

A. Quý tộc mới và nông dân.

B. Tư sản và thợ thủ công,

C. Quý tộc mới và tư sản.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp trên.

Câu 13. Vì sao cách mạng tư sản Anh là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

• Không đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

• Kết thúc bằng sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản cầm quyền,

• Lập ra chế độ quân chủ lập hiến.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 14. Cuộc cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức nào?

A. Nội chiến.

B. Chiến tranh giải phóng dân tộc.

C. Nội chiến kết hợp với chiến tranh giải phóng dân tộc.

D. Bạo động của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.

BÀI 2: CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ

Câu 1. Vì sao Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh đối với Anh

A. Do sự phát triển kinh tế của các thuộc địa.

B. Do sự xâm nhập chủ nghĩa tư bản Anh vào Bắc Mĩ.

C. Do sự cản trở của Bắc Mĩ đối với hàng hoá Anh.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 2. Năm 1773 diễn ra sự kiện lịch sử nào tiêu biểu nhất ở Bắc Mĩ?

• Nhân dân thuộc địa họp đại hội ở Phi-la-đen Phi-a.

B. Nhân dân Bô-xđam tấn công tàu chở chè Anh.

C. Chiến tranh bùng nổ giữa thực dân Anh và thuộc địa.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 3. Tại Đại hội lục địa lần thứ nhất vào tháng 9-1774, các đại biểu yêu cầu vua Anh vấn đề gì?

• Rút quân đội khỏi Bắc Mĩ.

B. Bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mĩ.

C. Bỏ chính sách thuế khoá ở Bắc Mĩ.

D. Trao trả nền độc lập cho Bắc Mĩ.

Câu 4. Chiến tranh giữa các thuộc địa với chính quốc bùng nổ vào thời gian

A. Tháng 4 năm 1775.

B. Tháng 5 năm 1775.

C. Tháng 7 năm 1776.

D. Tháng 7 năm 1767.

Câu 5. Ngày 4- 7-1776 ghi vào lịch sử nước Mĩ như thế nào?

A. Ngày quốc khánh nước Mĩ.

B. Các thuộc địa lần lượt tuyên bố tách khỏi nước Anh.

C. Đại hội lục địa lần hai thành công

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 6. Chiến thắng nào đã tạo nên bước ngoặt trong cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ?

A. Chiến thắng Bô-xton.

B. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga.

C. Chiến thắng I-ô-c-tao.

D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 8. Với trận đánh quyết định nào làm cho toàn bộ quân Anh phải đầu hàng?

A. Trận đánh ở Bô-xton.

B Trận đánh ở Xa-ra-tô-ga.

C. Trận đánh ở I-oóc-tao.

D. Trận đánh ở Oa-sinh-ton.

Câu 9. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Anh chính thức công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ?

A. Kí kết hoà ước Véc-xai ở Pháp tháng 9-1783.

B. Mỹ thông qua Hiến pháp năm 1787.

C. Thông qua bản tuyên ngôn Độc lập ngày 4-7-1776.

D. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga ngày 17-10-1777.

Câu 10. Tại Hội nghị lục địa lần thứ hai đã tuyên bố vấn đề gì?

A. Cắt đứt quan hệ với Anh, củng cố lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-ton.

• Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ.

• Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

• Xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi của thực dân Anh ở Bắc Mỹ.

Bài 31: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KÍ XVIII

Câu 1. Vì sao trước cách mạng, nông nghiệp Pháp kém phát triển?

• Công cụ, kĩ thuật canh tác còn thô sơ.

• Đất đai bị bỏ hoang nhiều, năng suất cây trồng thấp.

C. Một số địa chủ chuyển sang kinh doanh theo hướng tư bản chủ nghĩa.

D. Quan hệ sản xuất phong kiến vẫn được duy trì với phương thức bóc lột cũ.

Câu 2. Nét nổi bật trong lĩnh vực công nghiệp ở Pháp vào cuối thế kỉ XVIII là:

• Sản xuất được nhiều mặt hàng mỹ phẩm.

B. Công trường thủ công khá lớn, thu hút được đông đảo công nhân làm thuê.

C. Công nghiệp nặng phát triển mạnh mẽ.

D. Công nghiệp chế biến trở thành ngành kinh tế then chốt.

Câu 3. Trước cách mạng, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

• Quân chủ lập hiến.

• Cộng hòa tư sản.

C. Quân chủ chuyên chế.

D. Quân chủ lập hiến đan xen với quân chủ chuyên chế.

Câu 4. Trước cách mạng, ở Pháp đẳng cấp nào hưởng đặc quyền, không phải đóng thuế?

A. Đẳng cấp tăng lữ.

B. Đẳng cấp quý tộc.

C. Đẳng cấp thứ ba.

D. Đẳng cấp tăng lữ và quý tộc.

Câu 5. Trong đẳng cấp thứ ba gồm có các giai cấp, tầng lớp nào của xã hội Pháp?

A. Tư sản, nông dân.

B. Tư sản, nông dân, công nhân,

C. Tư sản, quý tộc phong kiến.

D. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

Câu 6. Trước cách mạng, lực lượng nào chiếm số lượng đông đảo nhất ở nước Pháp?

A. Công nhân.

B. Tư sản.

C. Nông dân.

D. Thợ thủ công.

Câu 7. Vào thế kỉ XVIII, ở Pháp mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất?

A. Mâu thuẫn giữa phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong đẳng cấp thứ ba.

B. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc phong kiến.

C. Mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với chế độ phong kiến.

Câu 8. Ở nước Pháp, trước cách mạng, đẳng cấp nào cung cấp cho nhà vua kinh cầu nguyện?

A. Đẳng cấp thứ ba.

B. Đẳng cấp quý tộc.

C. Đẳng cấp tăng lữ.

D. Tất cả các đẳng cấp trên.

Câu 9. Ở Pháp, vào thế kỉ XVIII nổi lên ba nhà tư tưởng lớn, đó là những ai?

- A. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Phu-ri-ê. B. Phu-ri-ê, Ô-oen, Vôn-te.
C. Vôn-te, Rut-xô, Mông-te-xki-ơ. D. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rut-xô.

Câu 10. Ai là người lãnh đạo nhóm Bách khoa toàn thư ở Pháp?

- A. Mông-te-xki-ơ. B. Mê-li-ê. C. Vôn-te. D. Đi-nơ-rô.

Câu 11. Cách mạng 1789 thắng lợi, ở Pháp phái Lập hiến lên nắm quyền. Phái lập hiến thuộc tầng lớp nào?

- A. Tư sản công thương. B. Đại tư sản.
C. Quý tộc mới. D. Đại địa chủ.

Câu 12. Ngày 28-8-1789 diễn ra sự kiện lịch sử nào ở Pháp?

- Công nhân, thợ thủ công đánh chiếm nhà tù Ba-xti.
- B. Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ra đời.
- C. Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp mới.
- D. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.

Câu 13. Chính sách tiến bộ nhất của phái Lập hiến trong cách mạng tư sản Pháp là gì?

- Tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.
- B. Thông qua Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền.
- C. Thông qua Hiến pháp mới, xác định chế độ quân chủ Lập hiến cho nước Pháp.
- D. Ban hành chế độ phổ thông đầu phiếu

Câu 14. Sau ngày 10/08/1792 phái nào lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp?

- A. Phái lập hiến. B. Phái quân chủ lập hiến,
c. Phái Gia-cô-banh. D. Phái Gi-rông-đanh.

Câu 15. Phái Gia-cô-banh nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp kể từ:

- A. Từ ngày 02-6-1793. B. Sau ngày 10-8-1792.
c. Sau ngày 21-01-1793. D. Sau ngày 31-5-1793

Câu 17. Chế độ phong kiến đã kìm hãm sự phát triển của công, thương nghiệp như thế nào?

- Đánh thuế nặng.
- Không có đơn vị tiền tệ và đo lường thống nhất
- Sức mua của dân rất hạn chế.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 18. Xã hội Pháp trước cách mạng phân ra những đẳng cấp nào?

- A. Tăng lữ, quý tộc, nông dân. B. Tăng lữ, quý tộc, đẳng cấp thứ ba.
c. Tăng lữ, quý tộc, tư sản. D. Nông dân, tư sản, các tầng lớp khác.

Câu 19. Sự suy yếu của chế độ quân chủ chuyên chế Pháp biểu hiện ở những điểm nào?

- Chế độ phong kiến ngày càng suy yếu, số nợ Nhà nước vay của tư sản không trả được.
- Công, thương nghiệp đình đốn, nông nghiệp lạc hậu, kinh tế suy yếu.
- Đời sống nhân dân cực khổ, nhân dân đấu tranh mạnh mẽ.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 20. Vì sao việc đánh chiếm pháo đài Ba-xti đã mở đầu cho thắng lợi của Cách mạng Pháp?

- A. Pháo đài Ba-xti tượng trưng cho uy quyền nhà vua.
B. Pháo đài được xây dựng để bảo vệ thành Pa-ri.
c. Pháo đài là nơi giam cầm những người chống chế độ phong kiến.
D. Chế độ quân chủ chuyên chế bị giáng đòn đầu tiên quan trọng, cách mạng bước đầu thắng lợi, tiếp tục phát triển.

Câu 21. Phái Lập hiến của tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền đã làm được những gì?

- Phế truất vua Lu-i XVI

- B. Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền
- C. Hạn chế quyền hành của vua.
- D. Xoa dịu sự căm phẫn của nhân dân.

Câu 22. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp đã thể hiện mặt tiến bộ ở điểm nào?

- A. Đề cao vấn đề quyền tự do, bình đẳng của con người.
- B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội.
- C. Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 23. Mặt hạn chế của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền là gì?

- A. Chỉ phục vụ cho quyền lực giai cấp tư sản.
- B. Phục vụ cho quyền lợi của giai cấp công nhân.
- C. Phục vụ cho quyền lợi của tầng lớp địa chủ phong kiến.
- D. Phục vụ cho các tầng lớp tham gia đấu tranh.

Câu 24. Thái độ của phái Gi-rông-đanh trước sự tấn công của quân Anh và phong kiến châu Âu như thế nào?

- Tập hợp nhân dân chống ngoại xâm.
- Tập hợp nhân dân chống ngoại xâm và nội phản,
- Ổn định đời sống cho nhân dân, củng cố Nhà nước.
- D. Không lo tổ chức chống ngoại xâm và nội phản và ổn định đời sống nhân dân, chỉ lo củng cố quyền lực.

Câu 25. Điều nào chứng tỏ Cách mạng Pháp phát triển đi lên trong giai đoạn phái Gi-rông-đanh cầm quyền?

- Nam giới từ 21 tuổi được đi bầu cử.
- Thành lập nền cộng hoà, xử tử vua Lu-i VXI.
- C. Chiến thắng quân Áo - Phổ ở Van-mi, đuổi chúng ra khỏi đất nước.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 26. Trong các biện pháp sau của phái Gia-cô-banh, biện pháp nào mang lại quyền lợi thiết thực nhất cho nông dân?

- A. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B. Quy định giá bán tối đa các mặt hàng thiết yếu.
- C. Thực hiện chính sách trưng thu lúa mì.
- D. Quy định mức lương tối đa cho công nhân.

Câu 27. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thất bại của phái Gia-cô-banh?

- Sự chống đối của tư sản phản cách mạng.
- B. Mâu thuẫn nội bộ phái cầm quyền, nhân dân xa rời Chính phủ.
- C. Chỉ lo củng cố quyền lực.
- D. Tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính.

Câu 28. Vì sao tư sản phản cách mạng tiến hành cuộc đảo chính lật đổ phái Gia-cô-banh?

- Để tranh giành quyền lực.
- Để bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản.
- Do mâu thuẫn sâu sắc giữa phái Gia-cô-banh và tư sản phản cách mạng.
- D. Ngăn chặn cách mạng tiếp tục phát triển vì động chạm nhiều đến quyền lợi các giai cấp tư sản.

Câu 29. Yếu tố nào là cơ bản chứng tỏ Cách mạng tư sản Pháp 1789 là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất?

- Cách mạng thi hành nhiều biện pháp kiên quyết để trừng trị bọn phản cách mạng.

B. Cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền.

C. Thiết lập được nền cộng hòa tư sản.

D. Cách mạng đã đạt tới đỉnh cao với nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Câu 30. Tính chất của cuộc cách mạng Pháp 1789 là gì?

A. Cách mạng giải phóng dân tộc.

B. Cách mạng tư sản.

c. Cách mạng vô sản.

D. Cách mạng dân chủ nhân dân.

BÀI 32: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

Câu 1. Điều kiện cần và đủ để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp là gì?

• Tư bản, nhân công.

• Vốn, đội ngũ công nhân làm thuê.

c. Tư bản, nhân công và sự phát triển khoa học kỹ thuật.

D. Tư bản và các thiết bị máy móc.

Câu 2. Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu vào thời gian nào?

• Từ cuối những năm 50 của thế kỉ XVIII.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVII.

D. Từ cuối những năm 60 của thế kỉ XVIII.

Câu 3. Ai là người sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt cho máy?

A. Giêm Oát.

B. Giêm Ha-gri-vơ.

C. Ét-mơn Cát-ri.

D. Xli-phen-xơn.

Câu 4. Đến giữa thế kỉ XIX, nước Anh được mệnh danh là gì?

• “Nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới”.

• “Nước công nghiệp hiện đại”.

C. “Nước đi tiên phong trong công nghiệp”.

D. “Công xưởng của thế giới”.

Câu 5. Cách mạng công nghiệp ở Pháp bắt đầu phát triển từ thời gian nào? A. Những năm 20 của thế kỉ XIX.

B. Những năm 30 của thế kỉ XIX.

c. Những năm 50 của thế kỉ XIX.

D. Những năm 30 của thế kỉ XVIII.

Câu 6. Cách mạng công nghiệp Pháp bắt đầu từ ngành công nghiệp nào?

A. Công nghiệp luyện kim.

B. Công nghiệp cơ khí.

C. Công nghiệp hoá chất.

D. Công nghiệp nhẹ.

Câu 7. Cách mạng công nghiệp ở Đức diễn ra vào những năm nào?

A. Từ những năm 40 của thế kỉ XIX.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVIII.

D. Từ cuối những năm 30 của thế kỉ XIX.

Câu 8. Hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp ở các nước châu Âu cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX là gì?

• Làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản châu Âu.

• Thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp và giao thông,

• Góp phần giải phóng nông dân, bổ sung lực lượng lao động cho thành phố.

D. Hình thành giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

Câu 9. Vì sao cách mạng công nghiệp làm cho giai cấp vô sản ngày càng đông đảo?

• Giai cấp vô sản bị áp bức, bóc lột nặng nề nên họ tập trung ngày càng đông.

- B. Quá trình cơ giới hoá trong nông nghiệp làm cho nông dân trở thành giai cấp vô sản.
 C. Quá trình phát triển công nghiệp cần phải có nhiều người lao động.
 D. Tất cả các lý do trên.

BÀI 33: HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ GIỮA THẾ KỈ XIX

Câu 1. Vào giữa thế kỉ XIX, yêu cầu nào trở nên cấp bách nhất để thống nhất nước Đức?

- A. Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.
 B. Sự chia cắt lãnh thổ thành 38 lãnh địa.
 C. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế nông nghiệp.
 D. Tất cả các yêu cầu trên.

Câu 2. Lực lượng nào đứng ra lãnh đạo quá trình thống nhất nước

- A. Giai cấp tư sản. c. Tư sản và quý tộc phong kiến.
 B. Giai cấp vô sản. D. Quý tộc quân phiệt.

Câu 3. Quá trình thống nhất nước Đức diễn ra bằng con đường nào?

- A. Quân chúng dùng vũ lực đấu tranh để thống nhất đất nước "từ dưới lên".
 B. Giai cấp địa chủ quân phiệt Phổ, dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống".
 C. Giai cấp tư sản dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ dưới lên".
 D. Giai cấp tư sản cùng với quân Phiệt dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống" và "từ dưới lên".

Câu 4: Năm 1862, diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng nào ở Phổ?

- A. Phổ gây chiến tranh với Đan Mạch.
 B. Bi-xmác lên làm thủ tướng Phổ, đảm nhận nhiệm vụ lãnh đạo công cuộc thống nhất đất nước.
 C. Phổ gây chiến tranh với Áo.
 D. Liên bang Bắc Đức được thành lập do Phổ đứng đầu.

Câu 5. Liên bang Bắc Đức ra đời gồm có bao nhiêu quốc gia?

- A. 10 Quốc gia ở Bắc Đức và ba thành phố tự do.
 B. 16 Quốc gia ở Bắc Đức và hai thành phố tự do.
 C. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và ba thành phố tự do.
 D. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và bốn thành phố tự do.

Câu 6. Vì sao khi tiến hành sáp nhập các quốc gia miền Nam Phổ bị Pháp ngăn cản?

- A. Các quốc gia miền Nam vốn là lãnh thổ của Pháp.
 B. Pháp không muốn có một quốc gia thống nhất hùng mạnh bên cạnh mình.
 C. Pháp muốn dùng các quốc gia miền Nam làm bàn đạp xâm lược Phổ.
 D. Tất cả các lý do trên đều đúng.

Câu 7. Sự kiện nào chứng tỏ Bi-xmác đã hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước.

- A. Liên bang Bắc Đức được thành lập.
 B. Phổ sáp nhập các quốc gia miền Nam vào lãnh thổ của mình.
 C. Phổ lôi kéo các nước Nam Đức chống lại Pháp.
 D. Thắng lợi của Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871).

Câu 8. Vì sao sau cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành?

- Chính quyền vẫn còn rơi vào tay phong kiến.
 - Vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết theo nguyện vọng của nhân dân
 - Chế độ nô lệ vẫn được duy trì ở miền Nam.
- D. Câu B và C đúng.

Câu 9. Đến giữa thế kỉ XIX, ở miền Bắc nước Mĩ có hai giai cấp chính là

- A. Chủ nô và nô lệ.
- B. Địa chủ phong kiến và nông dân
- c. Tư sản và công nhân.
- D. Tư sản và nô lệ da đen.

Câu 10. Vì sao sự duy trì chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mĩ?

- A. Các nhà tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc cần thị trường và sức lao động.
- B. Nó ngăn cản sự thống nhất ở Mĩ.
- c. Nó tạo điều kiện cho chế độ phong kiến phục hồi ở Mĩ.
- D. Nó ngăn cản sự giao lưu giữa miền Bắc và miền Nam.

Câu 11. Cuộc nội chiến ở Mĩ diễn ra giữa thế lực

- Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.
- B. Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ nô lệ ở miền Nam.
- C. Giai cấp phong kiến ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.
- D. Giai cấp tư sản và quý tộc tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ phong kiến ở miền Nam.

Câu 12. Ngày 12-4-1861, giới chủ nô gây ra nội chiến nhằm mục đích gì?

- Chống lại tổng thống Lin-côn người của Đảng Cộng hòa.
- Thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.
- C. Duy trì chế độ nô lệ đang có nguy cơ bị sụp đổ.
- D. Tăng cường thế lực của chế độ nô lệ đang phát triển ở miền Nam.

Câu 13. Cuộc nội chiến ở Mĩ kéo dài trong khoảng thời gian:

- Từ tháng 4-1861 đến tháng 9-1864.
- Từ tháng 6-1861 đến tháng 6-1865.
- c. Từ tháng 5-1861 đến tháng 4-1865.
- D. Từ tháng 4-1861 đến tháng 4-1865.

Câu 14. Vì sao nói: cuộc nội chiến ở Mĩ có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản thù hai sau chiến tranh giành độc lập?

- Giải phóng hoàn toàn nô lệ da đen, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- c. Xóa bỏ chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- D. Tất cả các lý do trên.

BÀI 34:

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Câu 1. Vào thời gian nào chủ nghĩa tư bản tự do chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền?

- A. Khoảng 50 năm cuối thế kỉ XIX.
- B. Khoảng 40 năm cuối thế kỉ XIX.
- C. Khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX.
- D. Khoảng 20 năm cuối thế kỉ XIX.

Câu 2. Những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật trong nền kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa những năm cuối thế kỉ XIX chủ yếu là:

- A. Phát minh và sử dụng động cơ đốt trong và động cơ điện.
- B. Phát minh và sử dụng nhiệt lượng.
- c. Phát minh ra sử dụng máy hơi nước.
- D. Phát minh và sử dụng động cơ học.

Câu 3. P h á t hiện về phóng xạ của Hăng-ri Béc-cơ-ren (Pháp) thuộc

- A. Lĩnh vực toán học.
- B. Lĩnh vực vật lí.

C. Lĩnh vực hoá học.D. Lĩnh vực sinh học.

Câu 4. Ai là người đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân?

- A. Ma-ri Quy-ri. B. Hăng-ri Béc-cơ-ren.
C. Rơn-ghen. D. Rơ-dơ-pho.

Câu 5. Học thuyết Đác-uyn (Anh) đề cập đến vấn đề gì?

- A. Hoạt động của các tế bào. B. Hoạt động của hệ thần kinh cao cấp.
c. Biến dị và di truyền. D. Sự tiến hoá và di truyền.

Câu 6. Tháng 12-1903 đã diễn ra sự kiện tiêu biểu gì?

- Kỹ thuật luyện kim được cải tiến, với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác-tanh.
- Dầu hỏa được khai thác để thắp sáng.
- c. Anh em người Mĩ đã chế tạo máy bay đầu tiên.
- D. Ô tô được đưa vào sử dụng nhờ phát minh về động cơ đốt trong.

Câu 7.Năm 1879, ai là người thí nghiệm thành công việc thắp sáng, để cho bóng đèn điện ra đời?

- A. R Đi-ê-den. B. Ê-di-xơn. C. Nô-ben. D. Tôm-xon.

Câu 8. Phát minh nổi tiếng của Nô-ben năm 1867 là gì?

- A. Bóng đèn điện. B. Động cơ đốt trong,
c. Thông tin vô tuyến điện. D. Thuốc nổ.

Câu 9. Năm 1903 được đánh dấu bằng sự kiện lịch sử gì trong lĩnh vực giao thông?

- Xuất hiện ô tô đầu tiên trên thế giới.
- Xuất hiện tàu thủy đầu tiên trên thế giới,
- C. Xuất hiện máy bay đầu tiên trên thế giới
- D. Xuất hiện tàu hỏa đầu tiên trên thế giới.

Câu 10. Sự xuất hiện các tổ chức độc quyền cacten, xanh đi ca và. torot ở những nước nào?

- A. Cacten, xanhđica ở Đức và Pháp, torót ở Mĩ.
B. Torót ở Pháp, cacten ở Mĩ, xanhđica ở Đức.
C.Cacten, xanhđica ở Mĩ và Đức, torót ở Pháp.
D. Cacten ở Mĩ, xanhđica và tơ rớt ở Đức và Pháp.

Câu 11.Các điều kiện nào đã dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo giữa các nước tư bản với nhau ở cuối thế kỉ XIX?

- Tài nguyên và nhân công.
- Trình độ sản xuất và tập trung tư bản.
- Trình độ tổ chức và quản lý.sản xuất.
- D. Nguyên liệu và kĩ thuật sản xuất.

Câu 12. Nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc đấu tranh để phân chia thuộc địa?

- Do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với các nước thuộc địa.
- B. Do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc tronig việc tranh chấp thuộc địa.
- c. Do mâu thuẫn giữa các nước tư bản trong việc xuất khẩu hàng hoá đến các nước thuộc địa.
- D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 13. Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược các nước thuộc địa?

- Các nước thuộc địa có thị trường tiêu thụ mở rộng.
- B. Các nước thuộc địa có thị trường tiêu thụ mở rộng, nhiều nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt.
- c. Các nước thuộc địa còn lạc hậu nên dễ khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- D. Tất cả các lí do trên.

Câu 14. Biểu hiện cơ bản nhất về sự xuất hiện chủ nghĩa đế quốc là gì?

- Sự xuất hiện các tầng lớp tư bản tài chính.
- B. Sự ra đời của các tổ chức độc quyền.
- c. Chiến tranh đế quốc nhằm phân chia thuộc địa.
- D. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

Câu 15. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Mĩ là gì?

- A. Là sự hình thành các tư rớt khổng lồ với những tập đoàn tài chính giàu sụ.
- B. Là đế quốc thực dân với hệ thống thuộc địa rộng lớn và đông dân.
- C. Là đế quốc cho vay nặng lãi.
- D. Xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong nội bộ.

Câu 16. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất làm bùng nổ các phong trào giải phóng dân tộc?

- Mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.
- B. Mâu thuẫn giữa đế quốc với nhân dân thuộc địa.
- c. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với công nhân và nhân dân lao động.
- D. Tất cả các mâu thuẫn trên.

BÀI 35:

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ VÀ SỰ BÀNH TRƯỚNG THUỘC ĐỊA

Câu 1. Vào cuối thập niên 70 thế kỉ XIX nước Anh mất dần địa độc quyền công nghiệp, bị các nước nào vượt qua?

- A. Nước Pháp, Mĩ.
- B. Nước Mĩ, Đức.
- C. Nước Mĩ, Nga.
- D. Nước Mĩ, Pháp, Đức.

Câu 2. Những thập niên cuối của thế kỉ XIX, giai cấp tư sản Anh chú trọng nhiều nhất đến vấn đề gì trong quá trình kinh doanh?

- Cải tiến kĩ thuật sản xuất để nâng cao năng suất lao động.
- Đổi mới và phát triển công nghiệp.
- Xuất khẩu tư bản sang các nước thuộc địa.
- Tiếp nhận những thành tựu khoa học - kĩ thuật để thay đổi cơ cấu sản xuất.

Câu 3. Tuy mất địa vị độc quyền công nghiệp, Anh vẫn đứng đầu thế giới về:

- Tài chính và xuất khẩu tư bản.
- Tài chính và xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quan và thuộc địa.
- Xuất khẩu tư bản và thuộc địa.
- Xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa.

Câu 4. Vào cuối thế kỉ XIX, Anh chú ý phát triển các ngành công nghiệp nào?

- A. Luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ.
- B. Luyện kim, cơ khí, hóa chất.
- c. Cơ khí, hóa chất, khai thác mỏ.
- D. Luyện kim, cơ khí, đóng tàu.

Câu 5. Việc xuất khẩu tư bản của Anh chủ yếu và đầu tiên đến khu vực nào?

- A. Các nước ở châu Phi và Mĩ la-tinh.
- B. Các nước ở Đông Nam Á.
- C. Trung Quốc và các nước châu Á.
- D. Hoa Kì và các nước Mĩ la-tinh.

Câu 6. Cuối thế kỉ XIX, hai đảng thay nhau lên cầm quyền ở Anh là:

- A. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa.
- B. Đảng Tự do và Công đảng.
- C. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ.
- D. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

Câu 7. Chủ nghĩa đế quốc Anh được mệnh danh là:

- Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- c. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.

D. Chủ nghĩa đế quốc bành trướng.

Câu 8. Từ sau năm 1871, công nghiệp của Pháp đứng sau các nước nào?

- Mĩ, Đức, Anh.
- Mĩ, Nga, Trung Quốc.
- c. Đức, Nga, Mĩ.
- D. Nga, Pháp, Hà Lan.

Câu 9. Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, một số ngành công nghiệp ở Pháp mới ra đời đạt được nhiều thành tựu, đó là:

- A. Khai thác mỏ, luyện kim.
- B. Điện khí, hóa chất, chế tạo ô tô, điện ảnh.
- C. Luyện kim, hóa chất, đóng tàu.
- D. Khai thác mỏ, hóa chất, đóng tàu.

Câu 10. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nông dân Pháp bị phụ thuộc vào tầng lớp nào?

- Các nhà buôn nông sản và bọn chủ nợ.
- Quý tộc mới và giai cấp tư sản.
- Địa chủ phong kiến.
- D. Các thương nhân châu Âu và quý tộc trong nước.

Câu 11. Đặc điểm của tô chức độc quyền ở Pháp là gì?

- A. Tập trung tài chính đạt mức cao.
- B. Tập trung ngân hàng đạt mức cao.
- C. Xuất khẩu tư bản tài chính.
- D. Tập trung tư bản vào sản xuất công nghiệp.

Câu 12. Chủ nghĩa đế quốc Pháp được mệnh danh là:

- Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- Chủ nghĩa đế quốc ngân hàng,
- Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- D. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.

Câu 13. Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ, nền cộng hòa

- A. Cộng hòa thứ nhất.
- c. Cộng hòa thứ ba.
- B. Cộng hòa thứ hai.
- D. Cộng hòa thứ tư.

Câu 14. Từ năm 1870 đến năm 1893, Pháp tăng cường xâm lược các nước ở khu vực nào?

- A. Châu Á, châu Phi, châu Mĩ la-tinh.
- c. Châu Á, châu Mĩ la-tinh.
- B. Châu Âu, châu Phi.
- D. Châu Á, châu Phi.

Câu 15. Sau Hiệp ước Véc-xai (1871), Đức có thêm điều kiện thuận lợi nào từ bên ngoài để xây dựng và mở rộng kinh doanh?

- Được các nước Anh, Pháp, Mĩ cho vay vốn.
- Chiếm được 5 tỉ Phơ-răng và hai vùng An-dát, Lo-ren của Pháp.
- Có thêm vùng nguyên liệu ở miền Tây Nam.
- Được Anh, Pháp nhượng bộ một số thuộc địa.

Câu 16. Đến cuối thế kỉ XIX, công nghiệp Đức đứng thứ mấy ở châu Âu, sau nước nào?

- A. Đứng thứ hai, sau Mĩ.
- c. Đứng thứ ba, sau Mĩ, Anh.
- B. Đứng thứ nhất, không sau nước nào cả.
- D. Đứng thứ tư, sau Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 17. Đến năm 1913, sản lượng gang thép của Đức gấp đôi nước nào?

- Gấp đôi nước Anh.
- Gấp đôi nước Pháp.
- c. Gấp đôi nước Mĩ.
- D. Gấp đôi nước Tây Ban Nha.

Câu 18. Sự hình thành các công ti độc quyền của Đức dựa trên cơ sở:

- Tập trung sản xuất và tập trung ngân hàng.
- Tập trung tư bản và tài chính,
- Xuất khẩu tư bản.

D. Tập trung sản xuất và tư bản.

Câu 19. Các công ti độc quyền của Đức xuất hiện hình thức phổ biến

- Cacten và torót. c. Cacten và Xanhđica.
- Torót và Xanhđica. D. Tất cả các hình thức trên.

Câu 20. Tầng lớp nào nắm lấy quyền thống trị ở Đức trong những năm cuối thế kỉ XIX?

- A Quý tộc địa chủ và tư sản độc quyền.
- B Bọn quân phiệt hiếu chiến.
- c. Tư sản công nghiệp và tư bản tài chính.
- D. Tư sản độc quyền và tư sản công nghiệp.

Câu 21. Sau sự kiện nào chủ nghĩa tư bản ở Mỹ phát triển vượt bậc?

- Lin-côn lên làm Tổng thống năm 1860.
- Kết thúc cuộc nội chiến 1861-1865.
- c. Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918.
- D. Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha năm 1898.

Câu 22. Ngoài việc giải phóng người nô lệ tạo nên người lao động phong phú, Mĩ có thêm nguồn lao động từ đâu?

- Tốc độ gia tăng dân số rất nhanh.
- Nô lệ bắt từ châu Phi.
- c. Nông dân bị tước ruộng đất.
- D. Nguồn người nhập cư từ châu Á và châu Âu.

Câu 23. Trong khoảng thời gian nào, kinh tế Mĩ từ hàng thứ tư nhảy lên đứng đầu thế giới?

- A. Từ năm 1865 đến năm 1890. B. Từ năm 1865 đến năm 1892.
- c. Từ năm 1865 đến năm 1894. D. Từ năm 1860 đến năm 1870.

Câu 24. Hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ là gì?

- A. Cacten. B. Xanhđica. c. Rốc-phe-lơ D. Torót

Câu 25. Hai Đảng thay nhau lên nắm chính quyền ở Mĩ, đó là:

- A. Đảng Cộng hòa và Đảng Bảo thủ B. Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ.
- C. Đảng Tự do và Đảng Dân chủ. D. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa.

Câu 26. Năm 1898, diễn ra sự kiện gì ở Mĩ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới?

- Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin và Cuba.
- Mĩ gây chiến với Bồ Đào Nha và mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc,
- Mĩ dùng đô la để can thiệp vào các nước Mĩ la-tinh.
- D. Mĩ đánh chiếm các nước ở Đông Nam Á.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1B 2C, 3B, 4A, 5D, 6C, 7A, 8A, 9B, 10A, 11B, 12C, 13C, 14D, 15B, 16B
17A, 18D, 19C, 20A, 21B, 22D, 23C, 24D, 25B, 26A.

BÀI 36: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Câu 1. Giai cấp tư sản ra đời từ những thành phần nào trong xã hội?

- Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền.
- Chủ công xưởng, chủ đồn điền, công nhân giàu có.
- C. Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền, quý tộc mới.
- D. Tất cả các thành phần trên.

Câu 2. Hàng ngũ những người vô sản chủ yếu bắt nguồn từ đâu?

- Nông dân bị phá sản, mất đất.
- Thợ thủ công bị thất nghiệp, phá sản.

- Nông dân và thợ thủ công bị phá sản.
- D. Nô lệ bị bắt ở các nước trong chiến tranh.

Câu 3. Giai cấp vô sản là giai cấp:

- Chỉ có rất ít tư liệu sản xuất.
- Hoàn toàn không có tư liệu sản xuất,
- Không có tài sản, chỉ có sức lao động.
- D. Chỉ có một ít tư liệu sản xuất và hoàn toàn không có tài sản.

Câu 4. Giai cấp vô sản công nghiệp thế giới ra đời sớm nhất ở nước nào?

- A. Nước Pháp. B. Nước Mỹ. C. Nước Đức. D. Nước Anh.

Câu 5. Phong trào đấu tranh đầu tiên của công nhân diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bỏ trốn tập thể để khỏi bị hành hạ.
B. Đánh bọn chủ xưởng, bọn cai kí.
C. Đập phá máy móc, đốt công xưởng.
D. Đập phá máy móc, đánh chủ xưởng.

Câu 6. Phong trào đấu tranh tự phát của công nhân Anh diễn ra vào khoảng thời gian nào?

- Khoảng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- Khoảng những năm 20-30 của thế kỉ XIX.
- Khoảng cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.
- D. Khoảng những năm 1836 - 1848.

Câu 7. Trong những năm 20 - 30 của thế kỉ XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền lợi gì?

- Đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- Đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương,
- Đòi quyền tuyển cử.
- D. Đòi quốc hội Anh thông qua đạo luật cải cách tuyển cử.

Câu 8. "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu!", đó là khẩu hiệu đấu tranh của công nhân nước nào?

- A. Nước Anh. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Mỹ.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa của công nhân thợ dệt ở Li-ông (Pháp) diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 1832. B. Năm 1834. C. Năm 1843. D. Năm 1835.

Câu 10. Năm 1931, công nhân dệt thành phố Li-ông (Pháp) đấu tranh đòi quyền lợi gì?

- A. Thiết lập nền cộng hòa. B. Nghỉ ngày chủ nhật có lương,
C. Được tự do bầu cử. D. Tăng lương, giảm giờ làm.

Câu 11. Ở Đức, để được làm việc trong các nhà máy công nhân phải đóng thuế đặc biệt cho bọn nào?

- A. Giai cấp tư sản. B. Tầng lớp quý tộc mới.
c. Bọn chủ nhà máy. D. Bọn địa chủ.

Câu 12. Trong các cuộc đấu tranh dưới đây của công nhân, cuộc đấu tranh nào tồn tại lâu nhất?

- Khởi nghĩa Li-ông ở Pháp.
- Phong trào Hiến chương ở Anh.
- Khởi nghĩa Sơ-lê-din ở Đức.
- D. Khởi nghĩa Li-ông (Pháp) và phong trào Hiến chương (Anh).

Câu 13. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất làm cho các cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức bị thất bại?

- Lực lượng công nhân còn rất ít.
- Giai cấp tư sản còn đang rất mạnh.
- C. Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng.

D. Chưa có sự liên minh với giai cấp nông dân.

Câu 14. Ba nhà tư tưởng tiến bộ nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng

- Xanh xi-mông, Phu-ri-ê và Crôm-oen.
- Phu-ri-ê; Mông-te-xki-ơ và Ô-oen.
- Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Rut-xô.

D. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

Câu 15. Hạn chế lớn nhất của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì?

- Chưa đánh giá đúng vai trò của giai cấp công nhân.
- Chưa đề ra được phương pháp đấu tranh cho giai cấp công nhân.
- Chưa thấy được bản chất của giai cấp tư sản.
- Chưa vạch ra con đường đúng để thủ tiêu việc bóc lột, xây dựng xã hội mới.

Câu 16. Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ XIX đã làm tiền đề cho chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời?

- Sự phát triển của phong trào công nhân.
- Sự ra đời và hoạt động của chủ nghĩa xã hội không tưởng,
- Sự thành lập Quốc tế thứ nhất.

D. Sự xuất hiện của Mác và Ăng-ghe-n.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1C, 2A, 3B, 4D, 5C, 6A, 7C, 8B, 9B, 10D, 11D, 12B,
13C, 14D, 15A, 16B

BÀI 37: MÁC VÀ ĂNG-GHEN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Câu 1. Tổ chức "Đồng minh những người chính nghĩa" được thành lập ở đâu? Vào thời gian nào?

- A. Thành lập ở Pa-ri (Pháp). Vào năm 1836.
- B. Thành lập ở Luân Đôn (Anh). Vào năm 1847.
- C. Thành lập ở Pa-ri (Pháp). Vào năm 1847.
- D. Thành lập ở Brúc-xen (Bỉ). Vào năm 1836.

Câu 2. Tổ chức "Đồng minh những người chính nghĩa" đổi tên thành "Đồng minh những người cộng sản" vào thời gian nào?

- A. Tháng 4- 1847.
- B. Tháng 5 - 1847.
- C. Tháng 6-1847.
- D. Tháng 7-1847.

Câu 3. " Đồng minh những người cộng sản" ra đời nhằm mục đích

- A. "Đoàn kết giai cấp vô sản tất cả các nước".
- B. " Đoàn kết giai cấp vô sản và những người cộng sản các nước"
- C. "Đoàn kết giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa".
- D. "Đoàn kết những người cộng sản tất cả các nước".

Câu 4. Cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1847 diễn ra kiện lịch sử gì trong Đồng minh những người cộng sản?

- A. Đại hội lần thứ nhất của Đồng minh những người cộng sản.
- B. Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản.
- C. Đại hội lần thứ ba của Đồng minh những người cộng sản.
- D. Đại hội lần thứ tư của Đồng minh những người cộng sản.

Câu 5. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản xác định vai trò của giai cấp vô sản như thế nào?

- A. Cùng với nông dân lãnh đạo cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

- B. Lãnh đạo cuộc đấu tranh, nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản.
- C. Lãnh đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột.
- D. Lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Câu 6. Chương I trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản nói về vấn đề gì?
- A. Vô sản và cộng sản.
- B. Quan hệ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập.
- C. Tư sản và vô sản.
- D. Sách báo xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.
- Câu 7. Các Mác đánh giá vai trò và sứ mệnh của giai cấp vô sản như thế nào?
- Là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất.
 - Là giai cấp đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản.
- C. Là giai cấp có vai trò và sứ mệnh giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột.
- D. Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất.
- Câu 8. Tháng 2 -1848 một tác phẩm nổi tiếng của Các Mác, Ăng-ghe-n ra đời, đó là tác phẩm nào?
- A. Đồng minh những người vô sản.
- B. Đồng minh những người cộng sản.
- C. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.
- D. Tuyên ngôn những người chính nghĩa.
- Câu 9. Ý nào dưới đây **không** nằm trong nội dung của Tuyên ngôn Đảng Cộng sản?
- Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước lớn, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư sản và vô sản tất yếu nổ ra.
 - Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình.
- C. Trình bày một cách hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.
- D. Từ đây phong trào công nhân đã có lý luận cách mạng soi đường.
- Câu 10. Sứ mệnh của giai cấp vô sản được Mác và Ăng-ghe-n xác định như thế nào?
- A. Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống sự thống trị và áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa.
- B. Thành lập chính đảng của mình, thiết lập nền chuyên chính vô sản.
- C. Sử dụng bạo lực để lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Tất cả đều đúng.

BÀI 38: QUỐC TẾ THỨ NHẤT VÀ CÔNG XÃ PARI NĂM 1871

- Câu 1. Quốc tế thứ nhất ban đầu có tên là gì?
- Hội liên hiệp giai cấp công nhân quốc tế.
- B. Hội liên hiệp lao động quốc tế.
- C. Hội liên hiệp công nhân lao động.
- D. Hội liên hiệp những người cộng sản quốc tế.
- Câu 2. Linh hồn của Quốc tế thứ nhất là ai?
- A. Ăng-ghe-n. B. Lê-nin. C. Các Mác. D. Xta-lin.
- Câu 3. Trong quá trình tồn tại và hoạt động, Quốc tế thứ nhất chuẩn bị thành lập các chính đảng công nhân độc lập ở đâu?
- A. Châu Âu và châu Á. B. Châu Á và châu Mỹ la-tinh.
- C. Châu Âu và Bắc Mỹ. D. Châu Âu và châu Phi.

Câu 4. Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán vào thời gian nào?

- A. Ngày 17- 5-1876. B. Ngày 18-6-1876.
c. Ngày 25-7-1876. D. Ngày 15-7-1876.

Câu 5. Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ nổ ra vào thời gian nào?

- A. Ngày 2-9-1870 B. Ngày 18-7-1870.
c. Ngày 19-7-1870. D. Ngày 7-9-1870.

Câu 6. Để chuẩn bị lực lượng chống quân Phổ xâm lược, quần chúng nhân dân Pa-ri đòi thành lập các đơn vị.

- A. Cộng hòa. B. Quốc dân quân,
c. Quân đội nhân dân. D. Vệ quốc quân.

Câu 7. Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản Pháp thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi là gì?

- A. “Chính phủ Lập quốc”. B. “Chính phủ Vệ quốc”.
C. “ Chính phủ Cứu quốc”. D. “Chính phủ yêu nước”.

Câu 8. Khi quân đội Đức tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri, chính phủ lâm thời tư sản ra lệnh cho nhân dân làm gì?

- Kiên quyết đứng lên chống Đức đến cùng.
- Giải tán lực lượng vũ trang
- Hãy cứu nguy cho Tổ quốc.
- D. Châm dứt phòng thủ đất nước.

Câu 9. Vì sao cuộc cách mạng ngày 18-3-18 71 được gọi là cuộc cách mạng vô sản

- A. Vì cuộc cách mạng này lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản.
B. Vì cuộc cách mạng này do giai cấp vô sản lãnh đạo.
C. Vì cuộc cách mạng này đánh đuổi được quân Phổ và thiết lập nên chuyên chính vô sản.
D. Vì cuộc cách mạng này thành lập bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản.

Câu 10. Sau khi bị thất bại, tàn quân của Chính phủ tư sản rút chạy về đâu?

- A. Mông-mác. B. Véc-xai. c. Pa-ri. D. Xơ-đăng.

Câu 11. Ngày 26-3-1871, diễn ra sự kiện gì ở Pháp?

- Quân khởi nghĩa đánh chiếm các trụ sở của Chính phủ lâm thời.
- Lá cờ cách mạng phát phới tung bay trên nóc nhà thị chính,
- c. Tổ chức bầu cử Hội đồng công xã.
- D. Hội đồng công xã làm lễ ra mắt trước quốc dân đồng bào.

Câu 12. Hội đồng Công xã Pa-ri tập trung các quyền lực nào?

- A. Quyền hành pháp. C. Quyền hành pháp và quyền lập pháp.
B. Quyền lập pháp. D. Quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Câu 13. Đến ngày 1-5-1871 Hội đồng Công xã thành lập thêm ủy ban nào?

- ủy ban quân sự. C. ủy ban Đối ngoại.
- ủy ban An ninh. D. ủy ban Cứu quốc.

Câu 14. “Tuần tế đẫm máu ” ở nước Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ 12 - 5 - 1871 đến 28- 5 -1871.
B. Từ 21 -5 - 1871 đến 28 - 5 -1871.
C. Từ 20- 5 – 1871 đến 28- 5 -1871.
D. Từ 19 - 5 - 1981 đến 27 - 5 -1871.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho Công xã Pa ri bị thất bại?

- Giai cấp công nhân Pháp còn yếu.
- B. Họ chưa có chính đảng lãnh đạo.
- C. Chưa có nước liên minh công nông.

D. Các thế lực phản động cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

Câu 16. Bài học lớn nhất được rút ra từ Công xã Pa-ri là gì?

- A. Phải có sự lãnh đạo của đảng vô sản.
- B. Phải thực hiện liên minh công nông.
- c. Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới.
- D. Tất cả các bài học trên.

Câu 17. Trong các sắc lệnh sau đây của Công xã, sắc lệnh nào thể hiện tính ưu việt của Công xã?

- Tách nhà thờ ra khỏi hoạt động của Nhà nước.
- Giao cho công nhân quản lý những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn.
- c. Quy định về tiền lương tối thiểu, giảm lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập công nhân.
- D. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí.

Câu 18. Vì sao nói Công xã Pa-ri là một Nhà nước kiểu mới?

- Công xã do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.
- B. Công xã đã ban bố và thi hành nhiều sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân.
- C. Công xã giải phóng quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ.
- D. Công xã vừa ban bố pháp lệnh, vừa thi hành pháp lệnh.

Câu 19. Vì sao giai cấp tư sản điên cuồng chống công xã?

- Công xã xoá hết mọi đặc quyền của giai cấp tư sản.
- Công xã tách nhà thờ ra khỏi Nhà nước.
- c. Công xã thực sự là Nhà nước do dân và vì dân đối lập Nhà nước tư bản.
- D. Công xã ban bố các sắc lệnh phục vụ quyền tự do của nhân dân

Câu 20. Công xã Pa-ri tồn tại trong bao nhiêu ngày?

- A. 70 ngày.
- B. 71 ngày.
- C. 72 ngày.
- D. 73 ngày.

BÀI 39: QUỐC TẾ THỨ HAI

Câu 1. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở đâu?

- A. Tây Âu và châu Á.
- B. Châu Âu và Bắc Mỹ.
- c. Tất cả các nước châu Âu.
- D. Châu Âu và châu Mỹ.

Câu 2. Năm 1886, công nhân Pháp đứng lên đấu tranh đòi quyền gì?

- A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- B. Đòi ngày làm việc tám giờ.
- c. Đòi các quyền tự do dân chủ.
- D. Đòi tăng lương và quyền dân chủ.

Câu 3. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, phong trào công nhân nước nào diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và quyết liệt nhất là:

- A. Phong trào công nhân ở Pháp.
- B. Phong trào công nhân ở Anh.
- c. Phong trào công nhân ở Đức.
- D. Phong trào công nhân ở Mỹ.

Câu 4. Ngày 1-5-1886 ở Mỹ diễn ra sự kiện gì gắn với phong trào đấu tranh của công nhân?

- A. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Si-ca-gô
- B. Cuộc bãi công của công nhân New-york.
- c. Cuộc tổng bãi công của công nhân Oa-sinh-ton.
- D. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Ca-li-phóoc-ni-a.

Câu 5. Hạn chế lớn nhất của phong trào công nhân thế giới của thế kỉ XIX là gì?

- Chưa liên minh chặt chẽ với nông dân.
- B. Chưa có sự thống nhất trong lãnh đạo và thiếu sự phối hợp đấu tranh
- C. Chưa tiếp thu được chủ nghĩa Mác.
- D. Chưa xây dựng được một lực lượng hùng mạnh để đấu tranh.

Câu 6. Quốc tế thứ hai được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- Ngày 17-4-1889. Ở Pa-ri (Pháp).
- Ngày 14-7-1889. Ở Luân Đôn (Anh)
- C. Ngày 14-7-1889. Ở Pa-ri (Pháp).
- D. Ngày 17-4-1889. Ở Béc-lin (Đức).

Câu 7. Kết quả lớn nhất của phong trào công nhân

- Chủ nghĩa Mác được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân các nước.
- Chủ phải tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân.
- C. Các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân mỗi nước ra đời.
- D. Lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày Quốc tế lao động.

Bài 40:

LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX

Câu 1. Nước Nga bắt đầu chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

- Cuối thế kỉ XIX.
- B. Đầu thế kỉ XX.
- c. Sau cuộc cải cách nông nô 1861.
- D. Cuối thế kỉ XX.

Câu 2. Tình hình kinh tế nước Nga sau cuộc cải cách nông nô 1861 như thế nào?

- Kinh tế phong kiến phát triển mạnh mẽ hơn so với kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.
- C. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển, thường bị cản trở bởi chế độ chuyên chế Nga hoàng và tàn dư của chế độ nông nô.
- D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Câu 3. Mùa thu năm 1895, Lê-nin thống nhất những nhóm macxit thành một tổ chức chính trị duy nhất, lấy tên là gì?

- Liên hiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc Nga.
- B. Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân
- C. Liên hiệp cách mạng Nga.
- D. Liên hiệp giải phóng công nhân.

Câu 4. Lê-nin bị bắt và bị đày đi Xi-bia trong khoảng thời gian nào?

- A. 1895-1905.
- D. 1895-1900.
- B. 1895-1904.
- c. 1890-1900.

Câu 5. Năm 1900, Lê-nin cùng các đồng chí của mình xuất bản tờ báo lấy tên là:

- A. Tia sáng.
- B. Tia lửa.
- C. Ánh sáng.
- D. Phá xiềng xích..

Câu 6. Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Năm 1903 ở Luân Đôn (Anh).
- B. Năm 1905 ở Pa-ri (Pháp).
- C. Năm 1900 ở Mat-xcơ-va (Nga).
- D. Năm 1903 ở Pê-téc-bua (Nga).

Câu 7. Tính tiên phong của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được thể hiện như thế nào?

- Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ Nga hoàng.
- Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến,
- C. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến.
- D. Lãnh đạo công nhân chống chế độ tư bản và Nga hoàng.

Câu 8. “Ngày chủ nhật đẫm máu” trong cuộc cách mạng 1905-1907 ở Nga là ngày nào?

- A. Ngày 1-9-1905.
- B. Ngày 9-1-1905.
- C. Ngày 1-5-1905.
- D. Ngày 5-1-1907.

Câu 9. Tháng 6-1905 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong cách mạng 1905-1907 ở Nga?

- 40 vạn công nhân ở Pê-téc-bua biểu tình.

- Binh lính và nông dân Nga nổi dậy chống Nga hoàng,
- Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Mat-xcơ-va.

D. Thủy thủ trên chiến hạm Pô-tem-kin khởi nghĩa

Câu 10. Cách mạng 1905 -1907 ở Nga lên đến đỉnh cao vào thời gian

- A. Tháng 5 - 1905.
- B. Tháng 6 - 1905.
- C. Tháng 10 - 1905.
- D. Tháng 12 - 1905.

Câu 11. Cách mạng 1905-1907 ở Nga là cuộc cách mạng:

- A. Dân chủ tư sản.
- B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- C. Cách mạng vô sản.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 12. Cách mạng 1905-1907 ở Nga có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào?

- . Các nước phương Tây.
- B. Các nước ở khu vực Mĩ La-tinh.
- C. Các nước phương Đông.
- D. Các nước ở khu vực châu Phi.

Câu 13. Trong các nội dung mà Cương lĩnh của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga nêu ra, nội dung nào mang lại quyền cho người nông dân?

- A. Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Đánh đổ chính quyền tư sản, thành lập chuyên chính vô sản.
- Thi hành những cải cách dân chủ.
- D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 14. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến phong trào cách mạng trong những năm 1905-1907 ở Nga là gì?

- A. Nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- B. Số công nhân thất nghiệp ngày càng tăng.
- C. Tiền lương công nhân giảm sút, điều kiện sống tồi tệ.
- D. Hậu quả của cuộc chiến tranh Nga-Nhật.

Câu 15. Lực lượng nào tham gia trong phong trào cách mạng 1905 -1907 ở Nga?

- Công nhân, nông dân.
- B. Công nhân, nông dân, binh lính,
- C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 16. Sự kiện nào sau đây được xem là đỉnh cao của cuộc Cách mạng 1907 ở Nga?

- Cuộc đấu tranh “Ngày chủ nhật đầm máu” (9-1-1905) của 14 vạn công nhân pê-téc-bua.
- Cuộc nổi dậy phá dinh cơ của địa chủ phong kiến (5-1905) của nông dân.
- Cuộc khởi nghĩa của thủy thủ trên chiến hạm Pô-tem-kin (6-1905).
- D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va (12-1905).